# CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ĐỊA CHẤT 2024

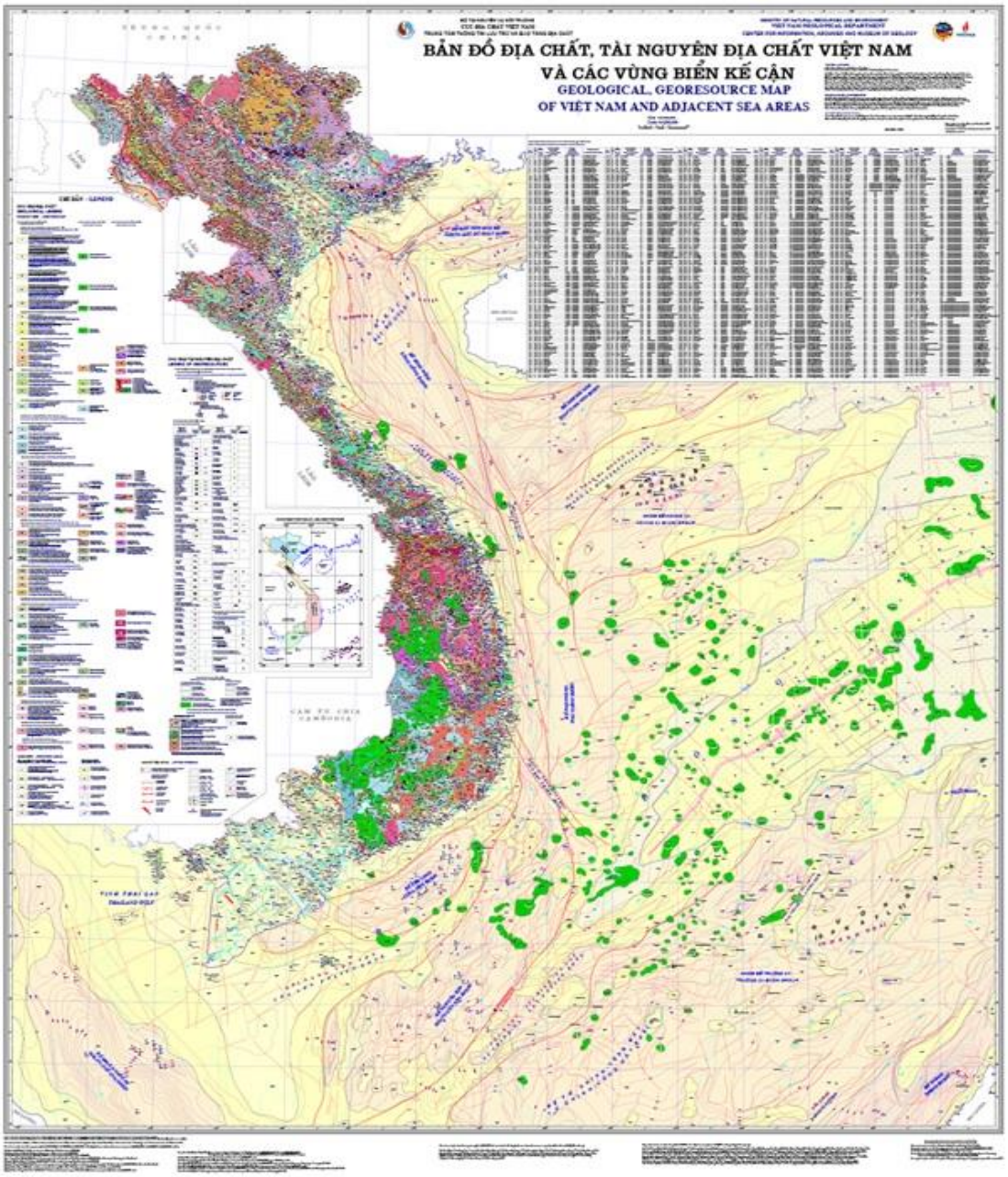

# MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU....4
I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT....5
1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG LUẬT ĐIA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN....5
2. CÔNG TÁC XÂY DỰNG THÔNG TƯ....9
3. XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA....10
II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊA CHẤT....12
1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHÍNH PHỦ....12
2. NHIỆM VỤ CẤP BỘ....19
3. ĐỀ ÁN/DỰ ÁN ĐÃ KẾT THÚC....19
III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050....20
1. MỤC TIÊU, YÊU CẦU....21
2. NỘI DUNG KẾ HOẠCH....22
IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH "BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT, TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT VIỆT NAM VÀ CÁC VÙNG BIỂN KẾ CẬN TỶ LỆ 1/1.000.000"....34
V. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÔNG TIN, LƯU TRỮ, BẢO TÀNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG....38
1. CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỊA CHẤT....38
2. CÔNG TÁC LƯU TRỮ ĐỊA CHẤT....39
3. CÔNG TÁC BẢO TÀNG ĐỊA CHẤT....44
VI. BÁO CÁO CÔNG TÁC KHOANH ĐỊNH KHU VỰC DỮ TRỮ KHOÁNG SẢN; KHOANH ĐỊNH KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN NHỎ LẺ....47
1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA....47
2. KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHOÁNG SẢN NHỎ LẺ....47
3. NHIỆM VỤ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI CÁC KHU VỰC CÓ KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ; CÔNG TÁC GIÁM SÁT CÁC ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH....48
*Phụ lục. Danh sách hồ sơ các khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ....50*
*Phụ lục. Danh sách các tỉnh xác nhận hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia....62*

VII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ ..... 64
1. VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ..... 64
2. VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ ..... 65
VIII. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT; KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỀ ÁN ĐIỀU TRA, THĂM DÒ KHOÁNG SẢN .... 75
1. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT ..... 75
2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỀ ÁN ĐIỀU TRA, THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ..... 79

# LỜI NÓI ĐẦU

Thành lập báo cáo thường niên là nhiệm vụ hàng năm của Cục Địa chất Viêt Nam nhằm giới thiệu những thông tin tổng thể về công tác quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do Cục Địa chất Việt Nam thực hiện và hoàn thành trong năm 2024.

Với chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất và điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện các dịch vụ công thuộc lĩnh vực địa chất theo quy định của pháp luật, sau khi có Chương trình công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Địa chất Việt Nam đã triển khai xây dựng Chương trình công tác của Cục và giao nhiệm vụ tới từng đơn vị, cán bộ, công chức.

Trên cơ sở chương trình công tác; chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quyết định phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, ngay từ đầu năm Cục Địa chất Việt Nam đã ban hành chương trình công tác năm 2024 và giao nhiệm vụ đến tất cả các đơn vị trực thuộc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) giao. Tới thời điểm hiện tại, các nhiệm vụ đã được thực hiện đúng tiến độ và khối lượng đề ra.

Vào tháng 3 năm 2025, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị tiền thân: Cục Địa chất Việt Nam và Cục Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, do báo cáo này nhằm tổng hợp các hoạt động trong năm 2024 của Cục Địa chất Việt Nam trước khi sáp nhập, nên nội dung chỉ phản ánh các chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực địa chất.

Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xin trân trọng giới thiệu kết quả hoạt động chủ yếu của Cục Địa chất Việt Nam tro ng năm 2024.

CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Trong năm 2024, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý lĩnh vực địa chất; công tác xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn được chú trọng, đẩy mạnh và tập trung hoàn thiện trong lĩnh vực địa chất, cụ thể như sau:

## I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### 1. Công tác xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản

Luật Địa chất và Khoáng sản được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV với kết quả 93,11% đại biểu thống nhất. Luật được quan tâm, góp ý của cử tri và người dân; giải quyết được nhiều vướng mắc về chính sách không còn phù hợp với thực tiễn.

*Ảnh: Luật Địa chất và Khoáng sản được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV.*

Luật Địa chất và Khoáng sản ra đời đã bổ sung, sửa đổi những điểm còn chưa phù hợp của Luật Khoáng sản 2010, Luật mới có nhiều điểm mới như sau:

**1.1.** Về phạm vi điều chỉnh

Luật đã bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với hoạt động chế biến khoáng sản và loại trừ hoạt động chế biến khoáng sản không gắn với dự án đầu tư khai thác khoáng sản để được cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác tận thu khoáng sản *không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Địa chất và Khoáng sản* (Điểm b, khoản 2 Điều 1).

Điểm mới về điều chỉnh hoạt động chế biến nhằm thực hiện giải pháp phòng, chống lãng phí trong việc đầu tư xây dựng cơ sở/nhà máy chế biến khoáng sản khi chưa xác định rõ nguồn nguyên liệu của dự án cũng như hạn chế đầu cơ, giữ mỏ nhằm trục lợi chính sách *"Nhà nước khuyến khích dự án đầu tư khai thác khoáng sản gắn với chế biến, sử dụng khoáng sản để làm ra sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc các sản phẩm khác có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội"* theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010. Mặt khác, hạn chế tối đa việc tranh chấp vùng nguyên liệu là khoáng sản để cung cấp cho các dự án chế biến khoáng sản.

**1.2.** Phân cấp quản lý, cắt giảm quy trình, thủ tục hành chính

**1.2.1.** Về phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:

- Quản lý và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên thay vì Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định hiện hành nhằm đồng bộ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nghỉ dưỡng phục vụ phát triển du lịch có sử dụng nước khoáng, nước nóng thiên nhiên để ngâm tắm, chữa bệnh…điều này góp phần rất lớn vào tăng trưởng, phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương.

- Phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương để các địa phương chủ động trong việc đánh giá điều kiện địa chất công trình phục vụ quy hoạch không gian lòng đất, xây dựng công trình kiên cố…

- Đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản nhóm III (nhất là cát, sỏi), nhóm IV thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Quyết định việc cho phép thu hồi khoáng sản nhóm I, II khi thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia để giải quyết thực hiện giải pháp phòng, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng khoáng sản.

- Kiểm soát, giám sát mọi hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản trên địa bàn.

**1.2.2.** Bỏ một số quy trình, thủ tục hành chính; đơn giản hóa một số thủ tục hành chính so với Luật hiện hành

Cùng với những nội dung phân cấp, phân quyền cho địa phương, so với Luật Khoáng sản 2010, dự thảo Luật Địa chất và khoáng sản cũng đẩy mạnh việc đơn giản quy trình, hóa thủ tục hành chính theo nhóm khoáng sản, cụ thể:

- Bỏ thủ tục hành đăng ký khảo sát thực địa để lập đề án thăm dò khoáng sản. Trường hợp này, tổ chức, cá nhân chỉ cần gửi văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản trước khi tiến hành khảo sát.

- Bỏ quy trình, thủ tục hành chính về cấp phép thăm dò, công nhận trữ lượng khoáng sản nhóm IV; theo đó việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV không cần căn cứ quy hoạch khoáng sản.Đối với các dự án quan trọng quốc gia, các dự án đầu tư công khẩn cập, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thi công công trình phòng chống thiên tai còn bỏ thủ tục lập dự án đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường nhằm cởi trói chính sách và khơi thông nguồn lực khoáng sản làm vật liệu san lấp phục vụ thi công các công trình giao thông, thủy lợi…

- Cho phép khai thác khoáng sản không phải có quy hoạch khoáng sản *(khai thác khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; thu hồi khoáng sản; khai thác tận thu khoáng sản)*.

- Trường hợp bổ sung khối lượng thăm dò hoặc có nhu cầu thăm dò vượt quá mức sâu cho phép, bổ sung mẫu công nghệ, điều chỉnh khối lượng, phương pháp thăm dò, tổ chức cá nhân chỉ việc gửi văn bản tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận thay vì phải làm thủ tục cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy phép

thăm dò. Như vậy, sẽ giảm tối đa thủ tục hành chính cũng như thời gian, chi phí của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư khai thác khoáng sản, cụ thể thu hồi khoáng sản ngoài ranh giới được cấp phép khai thác khoáng sản chỉ cần gửi văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận. Trường hợp được chấp thuận thì thủ tục hành chính không nhất thiết phải điều chỉnh Giấy phép khai thác, giúp giảm quy trình, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, thời gian của tổ chức, cá nhân, đồng thời sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản tránh lãng phí tài nguyên trong phạm vi dự án đầu tư, tăng thu ngân sách nhà nước và hiệu quả của dự án.

- Trường hợp thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thu hồi khoáng sản ở khu vực thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia kết hợp việc thu hồi sản phẩm là khoáng sản trong vùng nước cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, vùng nước đường thủy nội địa, lòng sông, lòng hồ hoặc tại các vùng nước, đất ngập nước khác theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; thu hồi khoáng sản nhóm III, IV từ hoạt động cải tạo, xây dựng công trình trên đất ở, đất nông nghiệp.

- Về đóng cửa mỏ khoáng sản, dự thảo Luật đã quy định một số trường hợp không phải thực hiện đóng cửa mỏ, một số trường hợp chỉ phải lập, thực hiện Phương án đóng cửa mỏ thay vì Đề án đóng cửa mỏ.

**1.3.** Công nhận kết quả thăm dò trữ lượng: Trước kia, Luật Khoáng sản năm 2010 quy định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thì nay Luật Địa chất Khoáng sản 2024 quy định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

**1.4.** Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Nhà nước sử dụng vốn ngân sách để tổ chức thực hiện thăm dò khoáng sản đối với: (i) Khoáng sản chiến

lược, quan trọng; (ii) Khoáng sản có giá trị kinh tế cao, nhu cầu sử dụng lớn.

**1.5.** Tách bạch hoạt động thu hồi khoáng sản và khai thác khoáng sản:

Luật đã làm rõ các hoạt động thu hồi khoáng sản là hoạt động kết hợp nhằm lấy được khoáng sản trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc các hoạt động khác theo kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận. Việc thu hồi khoáng sản được thực hiện theo cơ chế khác so với khai thác khoáng sản.

**1.6.** Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo sản lượng khai thác thực tế để khắc phục sai số (độ tin cậy) về trữ lượng khoáng sản trong thăm dò, khai thác khoáng sản.

**1.7.** Ưu tiên tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản hợp pháp được thăm dò xuống sâu và mở rộng mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản để đánh giá đầy đủ, khống chế hết thân khoáng sản đối với loại khoáng sản đã được cấp giấy phép khai thác.

**1.8.** Giám đốc điều hành mỏ: Luật đã quy định rõ trường hợp phải có giám đốc điều hành mỏ (đã mở rộng tiêu chí về giám đốc điều hành mỏ để phù hợp với thực tiễn hiện nay); nhân sự điều hành mỏ.

**2. Công tác xây dựng thông tư**

Năm 2024, Cục Địa chất Việt Nam được giao chủ trì xây dựng **08** thông tư, đến nay, 08 thông tư đã được Bộ ký ban hành, cụ thể:

- Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2016/TTBTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp.

- Thông tư số 14/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2024 ban hành quy định kỹ thuật về thăm dò, phân cấp trữ lượng cát biển.

- Thông tư số 18/2024/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xác định hàm lượng một số nguyên tố hóa

học bằng phương pháp phân tích hoá học than, phương pháp nung luyện và phương pháp quang phổ phát xạ plasma cảm ứng (ICP-OES).

- Thông tư số 21/2024/TT-BTNMT ngày 21 tháng 11 năm 2024 quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên và thăm dò khoáng sản đất hiếm.

- Thông tư số 30/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2015/TTBTNMT ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật công tác điều tra, đánh giá địa chất môi trường khu vực có khoáng sản độc hại.

- Thông tư số 32/2024/TT-BTNMT ngày 13 tháng 12 năm 2024 quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản cát biển.

- Thông tư số số 39/2024/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác khai đào công trình và lấy mẫu tại các công trình khai đào trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.

- Thông tư số 40/2024/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số hạng mục công việc trong công tác điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản cát biển làm vật liệu san lấp.

**3. Xây dựng tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

Trong năm 2024, Cục Địa chất Việt Nam triển khai xây dựng mới **23** Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia được giao thực hiện các tiêu chuẩn quy định kỹ thuật thuộc các nhóm địa vật lý, phân tích thí nghiệm, địa chất thuỷ văn - địa chất công trình, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Địa chất công trình – Địa chất thủy văn (gồm 08 Tiêu chuẩn): (1) Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000); (2) Lập bản đồ Địa chất thuỷ văn tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000); (3) Lập bản đồ Địa chất thuỷ văn tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000); (4) Điều tra Địa chất biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000; (5) Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000; (6) Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000; (7) Lập bản đồ Địa chất thuỷ văn - Yêu cầu

trong công tác thăm dò khoáng sản; (8) Lập bản đồ Địa chất công trình - Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản.

- Lĩnh vực Địa vật lý (gồm 10 Tiêu chuẩn): (1) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo từ biển theo tàu - Phần 1: Yêu cầu chung và kỹ thuật đo từ trên biển; (2) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo từ biển theo tàu - Phần 2: Phương pháp đo và hiệu chỉnh độ lệch Dviaxia; (3) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo từ biển theo tàu - Phần 3: Phương pháp xử lý, tính toán số liệu đo từ biển; (4) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo từ biển theo tàu - Phần 4: Phương pháp lập bản đồ và luận giải địa chất kết quả đo từ; (5) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo phổ gamma đáy biển - Phần 2: Phương pháp đo; (6) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo phổ gamma đáy biển - Phần 3: Phương pháp xử lý, tính toán hàm lượng U, Th, K đáy biển; (7) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo phổ gamma đáy biển - Phần 4: Phương pháp thành lập bản đồ hàm lượng U, Th, K đáy biển; (8) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo phổ gamma đáy biển - Phần 5: Phương pháp xử lý, minh giải kết quả địa chất tài liệu đo phổ gamma; (9) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Đo phổ gamma đáy biển - Phần 6: Phương pháp thành lập bản đồ liều tương đương chiếu ngoài đáy biển; (10) Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Đo phổ gamma đáy biển – Phần 1: Yêu cầu chung.

- Lĩnh vực phân tích thí nghiệm (gồm 05 Tiêu chuẩn): (1) Đất, đá quặng Flourit - Phần 1: Xác định hàm lượng CaF2 - Phương pháp ngâm chiết với nhôm clorua; (2) Đất, đá quặng Flourit – Phần 2: Xác định hàm lượng sắt tổng số - Phương pháp chuẩn độ thể tích; (3) Đất, đá quặng Flourit – Phần 3: Xác định hàm lượng tổng oxit đất hiếm - Phương pháp khối lượng; (4) Đất, đá quặng Flourit - Phần 4: Xác định hàm lượng canxi cacbonat - Phương pháp chuẩn độ; (5) Đất, đá quặng Flourit - Phần 5: Xác định hàm lượng bari - Phương pháp khối lượng.

Việc xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã quy định được các tiêu chuẩn, thông số trong quá trình tính toán các số liệu của các loại quặng trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

## II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊA CHẤT

Trong năm 2024, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được Cục quan tâm chỉ đạo triển khai đúng tiến độ, hiệu quả. Kết quả cụ thể như sau:

### 1. Kết quả thực hiện các đề án, dự án Chính phủ

**1.1.** Đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội": đã hoàn thành trình Bộ thẩm định, phê duyệt 26 đề án thành phần thuộc Đề án Tây Bắc và báo cáo tổng kết đề án tổng thể.

Kết quả: Đề án đã hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, mục tiêu phát hiện mỏ mới vượt 200%, đã phát hiện và đánh giá tài nguyên (cấp 333) 110 mỏ mới (mục tiêu được giao là 35 mỏ mới). Công tác thi công đảm bảo đúng theo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn tuyệt đối, hệ thống tài liệu được thu thập, thành lập rất lớn và đảm bảo chất lượng, độ tin cậy theo quy định, kết quả chủ yếu như sau:

Đã hoàn thành điều tra, lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 trên tổng diện tích 13.081 $km^2$, góp phần cơ bản phủ kín nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc; (ii) Đã đánh giá hiện trạng mức độ điều tra, thăm dò, khai thác, trữ lượng tài nguyên còn lại của 1305 mỏ thuộc 26 loại khoáng sản khu vực Tây Bắc phục vụ công tác quản lý của các bộ, ngành và các địa phương vùng Tây Bắc; (iii) Đã phát hiện, điều tra, đánh giá tài nguyên cấp 333 cho 110 mỏ thuộc 25 loại khoáng sản gồm: nhóm khoáng sản nhiên liệu, năng lượng; kim loại, khoáng chất công nghiệp và vật liệu xây dựng. Trong số đó có 17 mỏ lớn, 43 mỏ trung bình và 50 mỏ nhỏ. Trên cơ sở đó, đã khoanh định 95 mỏ, khu mỏ đề xuất đưa vào thăm dò tiếp theo (gồm 171 diện tích). Trong số đó, có 62 diện tích đã được chuyển giao đưa vào Quy hoạch khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Ngoài ra, kết quả đề án đã phát hiện và điều tra sơ bộ 46 biểu hiện khoáng sản; 30 khu vực có triển vọng để tiếp tục đánh giá tiềm năng tài nguyên[1].

---

[1] Từ kết quả điều tra, đã khoanh định 30 khu vực có tiền đề, dấu hiệu triển vọng thuộc 10 loại khoáng sản để tiếp tục điều tra phát hiện mỏ mới gồm: than đá (01 khu vực); đất hiếm (15 khu vực); đồng (3); thiếc - wolfram (2); vàng (4); Felspat - kaolin (01); đá cảnh (01); quarzit (2); dolomit (1); đá vôi ốp lát (1).

Hoàn thành thu thập 14 bộ mẫu vật địa chất, khoáng sản thuộc 14 tỉnh vùng Tây Bắc kèm theo bản đồ địa chất - khoáng sản và hồ sơ mẫu vật. Sản phẩm hoàn thành đã được bàn giao cho 14 tỉnh để sử dụng. Trong quá trình thực hiện đề án đã có nhiều phát hiện mới về địa chất, khoáng sản. Trong đó có những phát hiện không những có giá trị lớn về kinh tế mà còn rất có giá trị về khoa học, góp phần làm rõ hơn về cấu trúc địa chất vùng Tây Bắc.

*Ảnh: Đoàn Kiểm tra của Cục ĐCVN đi kiểm tra điểm than khu vực xã Tường Tiến - Tường Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.*

**1.2.** Đề án "Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội".

Tổng hợp các kết quả chủ yếu của đề án đã đạt được như sau:

*Đề án thành phần đánh giá khoáng sản kim loại:* Đã điều tra tổng hợp hiện trạng 32 khu vực quặng vàng, trong đó đã đánh giá tài nguyên còn lại 01 mỏ chuyển giao cho địa phương quản lý, quy hoạch thăm dò khai thác; đánh giá sơ bộ tỷ lệ 1:25.000 tại 12 khu vực quặng vàng, tài nguyên dự báo 10.093,9 kg Au và 16.423,8 kg Ag. Khoanh định được 11 diện tích triển vọng có quy mô lớn để tiếp tục đánh giá chi tiết. Đã phát hiện và khoanh định được 02 diện tích triển vọng quặng đồng (khu Kon Nhân và Kon Long) có quy mô lớn để chuyển sang đánh giá chi tiết. Tài nguyên dự báo đến thời điểm hiện tại cấp 333+334a đạt 154.379,2 tấn đồng kim loại. Trong đó, cấp 333 =102.530,2 tấn; tài nguyên dự báo cấp 334a =51.849,0 tấn. Với kết quả này cùng với khu Kon Rá đã được đánh giá trước đây đã dự tính được tài nguyên quặng đồng quy mô lớn, phân bố tập trung, có khả năng còn tồn tại sâu. Đây là một trong các vùng mỏ đồng mới và quan trọng của Việt Nam. 03 khu mỏ này đã được đưa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023).

*Ảnh: Thi công khoan máy khu Kon Nhân*

*Đề án thành phần đánh giá khoáng chất công nghiệp:* Đã thực hiện đánh giá chi tiết tại 07 khu vực có khoáng chất công nghiệp, kết quả đã xác định được tài nguyên và khoanh định các khu vực khoáng chất công nghiệp có quy mô lớn, đủ cơ sở chuyển giao thăm dò, khai thác. Tổng tài nguyên đạt được như sau: thạch anh tài nguyên cấp 333+334a đạt 11,2 triệu tấn; fluorit tài nguyên cấp 333 đạt 93.926 tấn quặng (45.705 tấn $CaF_2$); quarzit tài nguyên cấp 333 + 334a đạt 30 triệu tấn; graphit nguyên cấp 334a+334b là: 5.980.248 tấn. Đủ cơ sở khoanh định 06 khu vực để chuyển giao quy hoạch thăm dò khai thác.

*Đề án thành phần đánh giá đá khối làm ốp lát, mỹ nghệ:* Đã thực hiện đánh giá tại 17 khu vực, trong đó tập trung các loại đá có chất lượng tốt, màu sắc, vân hoa đẹp như: granit, gabro, gabrodiorit, gneis, bazan trụ, có khoáng chất công nghiệp, kết quả đã khoanh định và chuyển giao Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023) 03 khu vực có diện tích 360 ha với tổng tài nguyên 43,5 triệu $m^3$. 14 khu vực khác đủ cơ sở chuyển giao thăm dò, khai thác.

**1.3.** Đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội" được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1776/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2024: Đã trình Ban Cán sự đảng Bộ; Trình Chính phủ xem xét tại Tờ trình số 69/TTr-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2024. Chính phủ đã có ý kiến về việc phê duyệt đề án tại Công văn số 5778/VPCP-CN ngày 14 tháng 8 năm 2024. Đã hoàn thành lập, thẩm định cơ sở và trình Bộ xem xét phê duyệt triển khai trong năm 2025.

**1.4.** Đề án "Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội": Đã trình Ban Cán sự đảng Bộ; Trình Chính phủ xem xét tại Tờ trình số 69/TTr-BTN&MT, ngày 10 tháng 7 năm 2024. Chính phủ đã đồng ý chủ trương thực hiện đề án tại Công văn số 5778/VPCP-CN ngày 14 tháng 8 năm 2024 và giao Bộ phê duyệt đề án. Cục đã chỉnh sửa, hoàn thiện trình Bộ xem xét, phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

*Ảnh: Khoan thăm dò khảo sát xây dựng đề án "Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội"*

**1.5.** Đề án "Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam": Cục đã xây dựng kế hoach thực hiện; trong đó đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện; tổ chức làm việc 05 đơn vị liên quan[2] để thống nhất các nội dung thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Trong năm 2024, trước diễn biến phức tạp của các tai biến địa chất, nhiều tỉnh - đặc biệt ở miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long - đã xuất hiện hiện tượng sạt lở nghiêm trọng. Trước tình hình cấp thiết, UBND các tỉnh đã gửi văn bản đề nghị Cục Địa chất Việt Nam hỗ trợ xác định nguyên nhân sụt lún, sạt lở. Cục đã cử cán bộ và các Liên đoàn khảo sát tại các địa bàn trên cả nước, cụ thể đã phối hợp và hỗ trợ các địa phương như Quảng Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Lâm Đồng và Tây Nguyên nhằm  điều tra, đánh giá, dự báo và đề xuất giải pháp phòng chống sụt lún và sạt lở đất, lũ quét.

Bên cạnh đó, thực hiện Công điện 78/CĐ-TTg ngày 29/7/2024 của Thủ tướng về "Kiểm tra, khắc phục động đất tại Kon Plông, Kon Tum", Cục giao Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam triển khai đề tài nghiên cứu mô hình dự báo, cảnh báo động đất kích thích áp dụng thử nghiệm tại Tây Nguyên. Từ thực tế nghiên cứu, nhóm đã kiến nghị:

- Chính quyền và các bên liên quan cần thăm hỏi, hỗ trợ vật chất, tâm lý người dân vùng tâm chấn; đồng thời tổ chức tập huấn kỹ năng phòng tránh động đất.

- Xem xét ban hành công văn cảnh báo rủi ro sơ cấp, thứ cấp liên quan chuỗi động đất đến UBND tỉnh Kon Tum, chỉ đạo UBND huyện Kon Plông thực hiện biện pháp phòng tránh theo quyết định năm 2007, đảm bảo nguyên tắc "4 tại chỗ, 3 sẵn sàng".

- Cảnh báo nhân dân khi lao động ngoài trời; khu vực mỏ đang khai thác; nhà dân gần taluy cần cảnh giác trước các dấu hiệu bất thường và nhanh chóng sơ tán nếu cần.

---

[2] Tổng cục KTTV, 02 Cục: ĐĐBĐ, VTQG, 02 Viện: KHĐC&KS và KTTV &BĐKH

- Các dự án thủy điện đã tích nước cần rà soát đập chứa, xử lý kịp thời rò rỉ, nứt vỡ để đảm bảo vận hành an toàn.

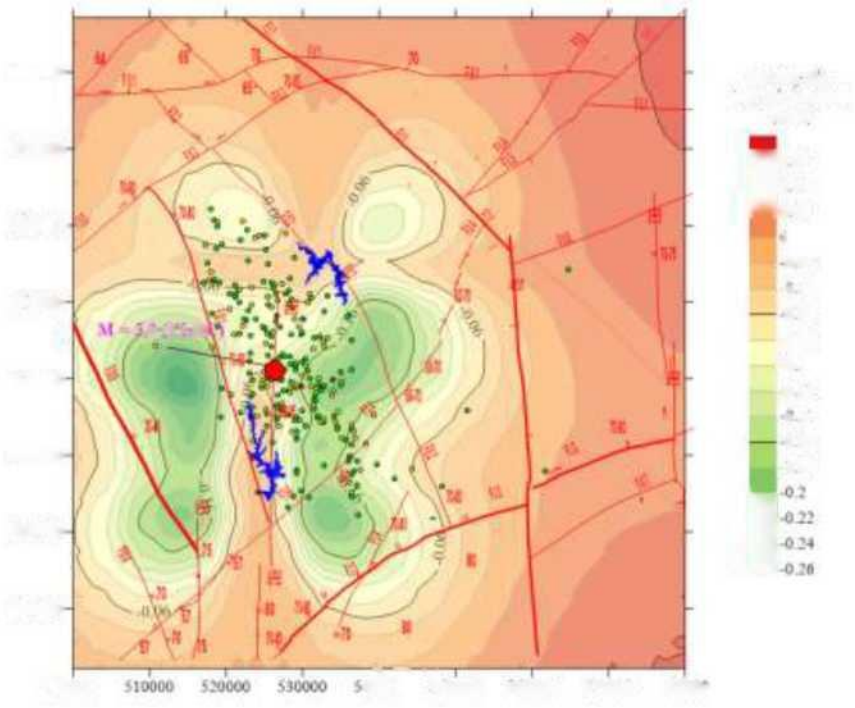


*Ảnh. Kết quả mô phỏng sự thay đổi ứng suất gây ra do hai hồ chứa thuỷ điện Kon Tum Thượng và hồ chứa thuỷ lợi Đrắk Đring*

- Đề nghị đơn vị vận hành hồ chứa Thượng Kon Tum và Đrăk Đring cung cấp đầy đủ dữ liệu mực nước, kết quả quan trắc từ 04/2021 đến nay, đặc biệt tại thời điểm xảy ra động đất ngày 23/08/2022 (Ms=4.5) và 28/07/2024 (Ms=5.0).

Để làm rõ nguyên nhân động đất liên quan đến hồ chứa, cần đầu tư khảo sát và lập bản đồ kiến tạo đứt gãy, địa chất - địa mạo, phân loại nền đất để hướng dẫn thiết kế công trình kháng chấn tại Kon Plông và vùng lân cận.

Chủ động điều tra, xây dựng kịch bản phòng tránh các tai biến địa chất thứ cấp sau động đất như trượt lở đất, sụt nứt nền móng.

**1.6.** Nhiệm vụ "Lập Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050": Cục đã hoàn thành việc lập Hợp phần quy hoạch Phát triển, ứng dụng bức xạ và đồng vị trong ngành tài nguyên và môi trường với mục tiêu chủ đạo: Phát triển ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; điều tra cơ bản tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản; bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu. Đầu tư xây dựng

cơ sở vật chất, trang thiết bị và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về ứng dụng kỹ thuật bức xạ và kỹ thuật đồng vị trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Địa chất, khoáng sản: Ứng dụng hiệu quả kỹ thuật đồng vị và kỹ thuật hạt nhân trong điều tra địa chất, cấu trúc địa chất, đánh giá, thăm dò khoáng sản phóng xạ, khoáng sản có chứa phóng xạ, đất hiếm, địa nhiệt, phân tích các loại mẫu địa chất; nghiên cứu điều tra, quan trắc các khu vực có nguy cơ xảy ra tai biến địa chất; xác định đặc điểm một số cấu trúc địa chất có tiềm năng lưu giữ nước dưới đất, lưu giữ $CO_2$, chôn lấp các chất độc hại, phóng xạ. Bảo vệ môi trường: Tiếp tục quan trắc thường xuyên môi trường nền phóng xạ tự nhiên và nhân tạo; ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong quan trắc môi trường các mỏ khoáng sản có nguy cơ phát thải phóng xạ; xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường phóng xạ phục vụ phát triển kinh tế xã hội… Kết quả đã chuyển giao Bộ KHCN tích hợp vào Quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 05/02/2025.

**2. Nhiệm vụ cấp Bộ**

Năm 2024, Cục Địa chất Việt Nam đang thực hiện 17 đề án, dự án nhiệm vụ cấp bộ từ các nguồn vốn, đến nay các nhiệm vụ đang thực hiện đúng tiến độ.

**3. Đề án/dự án đã kết thúc**

Năm 2024, Cục Địa chất Việt Nam có 05 đề án/dự án đã kết thúc theo kế hoạch cụ thể: (1) Dự án "Bay đo từ - trọng lực tỷ lệ 1:250.000 biển và hải đảo Việt Nam" để Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; (2) Đề án "Điều tra, đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng lãnh thổ phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng dải ven bờ biển Việt Nam"; (3) Đề án "Điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản cát trắng trên địa bàn các tỉnh ven biển từ Quảng Bình đến Quảng Nam"; (4) Xây dựng bộ bản đồ môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:250.000 giai đoạn II (2018 - 2022) cho các tỉnh biên giới và ven biển phía Bắc; (5) Điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường phóng xạ tại một số khu vực có dị thường phóng xạ trên địa bàn các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Lâm Đồng, đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác hại của môi trường phóng xạ.

## III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH ĐIỀU TRA CỞ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện sau khi Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" được ban hành và công bố Quy hoạch theo đúng quy định của Luật Quy hoạch.

Thực hiện Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050", Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà về kết quả triển khai thực hiện như sau:

Căn cứ Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050", với trách nhiệm là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức công bố Quy hoạch theo đúng quy định của Luật Quy hoạch.

Theo Quy định tại Điều 45, Luật Quy hoạch, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" theo quy trình xây dựng, trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch.

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 7082/BTNMT-ĐCVN gửi kèm theo hồ sơ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch để lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 30 tháng 10 năm 2024.

Đến ngày 30 tháng 10 năm 2024, Cơ quan lập Quy hoạch đã nhận được ý kiến đóng góp của 06 Bộ, ngành, 38 ý kiến của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 15 ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Không có các ý kiến góp ý trên trang website của Bộ.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 107/TTr-BTNMT trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 3148/PB-VPCP ngày 28 tháng 11 năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 8519/BTNMT-ĐCVN ngày 04 tháng 12 năm 2024 xin ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (lần 2).

**1. Mục tiêu, yêu cầu**

**1.1. Mục tiêu**

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản), xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch đã đề ra.

- Cụ thể hóa tiến độ, các bước triển khai và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện Quy hoạch.

- Phân công trách nhiệm cụ thể đối với các bộ, ngành và địa phương, đặc biệt là việc giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

- Nghiên cứu tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thực hiện các dự án cấp bách**,** quan trọng thuộc nhóm ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.

**1.2. Yêu cầu**

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tuân thủ, kế thừa các Nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, các quy hoạch ngành và kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành liên quan đã được phê duyệt;

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt trong triển khai thực hiện các dự án theo từng thời kỳ, phù hợp với bối cảnh và nguồn lực quốc gia.

- Thể hiện sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

**2. Nội dung Kế hoạch**

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chính như sau:

**2.1. Dự án đầu tư công**

Gồm các nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hoàn thành giai đoạn 2021-2030:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản trên toàn quốc, tích hợp với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và quốc gia (Giai đoạn I hoàn thành đến năm 2025; giai đoạn II hoàn thành đến năm 2030).

- Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ phục vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (vận tải, địa vật lý, phân tích thí nghiệm, trắc địa-viễn thám, địa chất khoáng sản biển, khoan, công nghệ thông tin): Nâng cao chất lượng, độ tin cậy, hiệu quả của công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; nâng cao năng lực điều tra, đánh giá khoáng sản ẩn sâu; nâng cao hiệu quả của hoạt động điều tra địa chất, khoáng sản (thực hiện giai đoạn 2026-2030).

- Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam: Mua sắm bổ sung các thiết bị điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản biển, thiết bị phân tích chính xác, hiện đại phục vụ nghiên cứu cơ bản địa chất, khoáng sản biển nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, định hướng cho điều tra địa chất,

khoáng sản biển (thực hiện giai đoạn 2026-2030).

- Tăng cường năng lực thiết bị công nghệ Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản: Mua sắm bổ sung các thiết bị phân tích chính xác, hiện đại phục vụ nghiên cứu cơ bản địa chất, khoáng sản, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, định hướng cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, đặc biệt là khoáng sản ẩn sâu (thực hiện giai đoạn 2026-2030).

**2.2. Dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản**

*2.1. Nhóm nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trọng tâm, ưu tiên thực hiện giai đoạn 2021 - 2030 gồm 48 Đề án, chia thành 8 nhóm sau:*

- Lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền (8 Đề án (2021-2025: 4 đề án, 2026-2030: 4 đề án)

- Bay đo địa vật lý: gồm các nhiệm vụ đang thi công và bay đo tại khu vực có triển vọng phát hiện cấu trúc có triển vọng khoáng sản ở Tây Nghệ An;

- Điều tra địa chất đô thị (01 đề án).

- Điều tra tai biến địa chất, địa chất môi trường (gồm 8 đề án, giai đoạn 2021 - 2025: 4 Đề án, giai đoạn 2026 - 2030: 4 Đề án).

- Điều tra di sản địa chất: 1 Đề án, hoàn thành giai đoạn 2021- 2030.

- Đánh giá tiềm năng đối với khoáng sản chiến lược, quan trọng, khoáng sản đang có nhu cầu cấp thiết gồm: khoáng sản nhiên liệu (than, urani, thori); đất hiếm và kim loại hiếm, đá vôi xi măng, cát sông, cát biển, vật liệu thay thế cát tự nhiên. Gồm 15 Đề án, 09 Đề án hoàn thành trong giai đoạn 2021- 2025; 06 Đề án hoàn thành đến 2030.

- Điều tra địa chất, khoáng sản vùng biển: gồm 6 Đề án, giai đoạn 2021 - 2025: 4 Đề án, giai đoạn 2026 - 2030: 2 Đề án.

- Các nhiệm vụ đầu tư: Có 6 nhiệm vụ thực hiện đến giai đoạn 2030, trong đó, 02 nhiệm vụ đang triển khai hoàn thành giai đoạn 2021 - 2025 và 4 nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2021-2030.

Các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên sẽ được ưu tiên thực hiện, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2030.

*2.2. Nhóm nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thực hiện giai đoạn 2031 - 2050*

Đây là các nhóm nhiệm vụ thuộc Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhưng chưa cấp thiết thực hiện trong giai đoạn đến 2030 và chưa xác định, dự kiến bổ trí nguồn vốn thực hiện. Các nhiệm vụ dự kiến được thực hiện từ sau năm 2030 đến 2050 gồm 20 Đề án.

*2.3. Các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư góp vốn*

Tổng số có 16 nhiệm vụ, trong đó 8 nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2030 và 8 nhiệm vụ thực hiện giai đoạn sau 2030.

*2.4. Các nhiệm vụ hợp tác quốc tế*

Các Đề án thuộc danh mục Đề án hợp tác quốc tế gồm: i) nhiệm vụ điều tra địa chất đô thị (địa chất không gian ngầm, địa chất 3D, 4D); ii) nhiệm vụ điều tra địa chất biển sâu; iii) nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nghiên cứu, đánh giá cấu trúc chôn lấp chất thải nguy hại, CO2; iiii) nhiệm vụ xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản.

**2.3. Nguồn vốn thực hiện Quy hoạch**

Nguồn vốn thực hiện Quy hoạch từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật đầu tư công và pháp luật liên quan. Nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đối với các đề án trong danh mục thuộc diện khuyến khích đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**2.4. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**

*2.4.1. Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật*

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thống nhất quy định về hệ thống quản lý các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản bao gồm

các lĩnh vực: lập bản đồ địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa chất môi trường, bay đo địa vật lý, điều tra tai biến địa chất, di sản địa chất, điều tra địa chất, tài nguyên, môi trường biển,...

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam về các lĩnh vực địa vật lý, lĩnh vực phân tích thí nghiệm, lĩnh vực điều tra địa chất đô thị, địa chất không gian ngầm đô thị; điều tra tai biến địa chất; điều tra địa chất khoáng sản biển, lĩnh vực điều tra đánh giá địa chất môi trường,... phù hợp với yêu cầu mục tiêu sử dụng thông tin và thiết bị, máy móc hiện đại.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật các dạng công việc trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản làm cơ sở xây dựng, ban hành đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực địa chất và khoáng sản hàng năm. Bổ sung các chế độ ưu đãi nghề, bồi dưỡng độc hại và các chế độ ưu đãi khác nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động, động viên, khuyến khích người lao động yêu ngành, say sưa với công việc.

*2.4.2. Giải pháp về cơ chế quản lý tài chính*

- Xây dựng, bổ sung hoàn thiện quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp và khả thi để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, nhất là đối với các nhiệm vụ điều tra địa chất đô thị, địa chất công trình, lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 vùng đồng bằng và ven biển gắn với điều tra tai biến địa chất phục vụ phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, bộ đơn giá sản phẩm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ khi thực hiện các nhiệm vụ điều tra, nhất là các dạng công việc chưa có quy định đầy đủ, phù hợp, theo hướng khuyến khích người lao động nâng cao chất lượng, tập trung điều tra chuyên môn sâu.

- Ưu tiên đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ cấp thiết, nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo thực hiện theo tiến độ quy hoạch.

- Huy động vốn của các địa phương, các ngành đầu tư cho điều tra địa chất đô thị, giao thông, điều tra khoáng sản vật liệu xây dựng, điều tra địa hóa đất phục vụ nhu cầu của địa phương.

- Thu hút nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, góp vốn đối với các nhiệm vụ điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản.

- Sửa đổi chính sách, chế độ phù hợp với đặc thù của ngành địa chất nhằm đảm bảo đời sống của người lao động địa chất, thu hút nhân lực có chất lượng cao, chuyên gia giỏi về điều tra địa chất, khoáng sản.

- Quản lý về chất lượng chuyên môn (xây dựng quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, khả thi; nhất là bổ sung xây dựng mới các nội dung điều tra địa chất đô thị, địa chất công trình, địa chất 1:50.000 kết hợp với điều tra tai biến địa chất tại các vùng đồng bằng, ven biển phục vụ phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu).

- Quản lý về tài chính (xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai đề án; cơ chế quản lý, cấp phát, thanh toán,... phù hợp đặc thù của công tác địa chất).

*2.4.3 Giải pháp đầu tư, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản*

- Nhu cầu sử dụng trang thiết bị phục vụ sản xuất địa chất là rất lớn, do tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, trong kỳ Quy hoạch, đề xuất xem xét đầu tư tập trung vào 07 nhóm thiết bị thiết yếu, bao gồm: thiết bị khoan; thiết bị địa vật lý; thiết bị phân tích thí nghiệm; thiết bị vận tải chuyên dụng; thiết bị điều tra địa chất, khoáng sản biển; thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị trắc địa - viễn thám.

- Tập trung đầu tư nghiên cứu, lựa chọn áp dụng các phương pháp, công nghệ tiên tiến có hiệu quả, độ tin cậy cao, nhất là trong điều tra, đánh giá khoáng sản ẩn sâu, điều tra địa chất, khoáng sản biển, điều tra tai biến địa chất phục vụ phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; điều tra địa chất phục vụ cải tạo phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản.

- Tăng cường mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ có hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, nhất là phương tiện, thiết bị điều tra thực địa, đo địa vật lý có khả năng điều tra thu thập dữ liệu, lấy mẫu các vùng biển sâu, dự báo khoáng sản ở các cấu trúc sâu.

- Đầu tư xây dựng các phòng phân tích mẫu hiện đại, có độ chính xác cao, đảm bảo độ tin cậy, đạt chuẩn quốc tế.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về địa chất, khoáng sản, cập nhật, tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu chung của lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đảm bảo tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường.

*2.4.4. Giải pháp khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản*

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Mục tiêu của Nhà nước khi đưa ra chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn thực hiện hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đó là khai thác nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân có khả năng về tài chính và có nhu cầu về thăm dò, khai thác khoáng sản, từ đó giảm bớt phần kinh phí đầu tư của Nhà nước, đẩy nhanh tiến độ điều tra cơ bản, giảm thiểu tình trạng khai thác khoáng sản trái phép,...

- Bổ sung các Quy định về điều kiện của các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo hướng chọn lọc các nhà đầu tư thực sự có năng lực tài chính để hoàn thành hợp đồng góp vốn đã ký kết. Bên cạnh đó, bổ sung các quy định về quản lý vốn góp của nhà đầu tư như quy định về thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư, quy định về bảo lãnh việc góp vốn đầu tư của bên thứ ba, quy định về chuyển tiền trong hợp đồng góp vốn, quy định được tham gia kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản do mình đầu tư.

- Xây dựng quy định về chế tài xử lý khi tổ chức, cá nhân vi phạm hợp đồng góp vốn.

*2.4.5. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức*

- Sử dụng nhiều công cụ truyền thông đa chiều kết hợp giữa truyền thống với hiện đại. Thông qua các tổ chức (Tạp chí Địa chất, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và

Môi trường và UBND các cấp chính quyền địa phương) tăng cường công tác phối hợp giữa các tổ chức đưa thông tin trực tiếp tới các đối tượng khác nhau trong cộng đồng bằng hình thức đăng tải trên báo giấy, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội, đài truyền thanh địa phương các tin tức, bài biết và hình ảnh liên quan đến quá trình xây dựng và các kết quả đạt được khi thực hiện các quy hoạch trước đó, trong và sau quá trình triển khai "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050".

- Thực hiện lồng ghép tuyên truyền nội dung của Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào một số chương trình: i) Hội thảo, hội nghị trao đổi thông tin liên quan đến điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; ii) Quy hoạch, kế hoạch, hoạt động phát triển tại các địa phương (phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, địa phương; bảo vệ môi trường; phòng tránh thiên tai, cảnh báo trượt, lở đất đá khu vực miền núi, trung du Việt Nam; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu).

- Công bố, chia sẻ thông tin, tài liệu.

- Tuyên truyền, phổ biến tới các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia.

- Hướng dẫn du khách qua các ghi chú khác nhau giới thiệu di sản địa chất, khoáng sản từ các địa phương khác nhau.

- Giám sát và đánh giá công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng.

*2.4.6. Giải pháp về đào tạo, tăng cường năng lực*

- Tăng cường đào tạo kiến thức về địa chất, khoáng sản, nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các đề án, nhiệm vụ sản xuất thực tế. Liên kết với các cơ sở đào tạo, đẩy mạnh các hình thức đào tạo STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) và STEAM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học); Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật ngay từ các trường học phổ thông và các trường đại học.

- Đầu tư xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao: (i) thực hiện chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học trẻ, sinh viên xuất sắc mới ra trường và có giải pháp tạo điều kiện, phát triển các nhà khoa học trẻ tài năng trở thành nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, địa vật lý, công nghệ thông tin,... từng bước nâng cao tiêu chuẩn tiệm cận với tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành ở các nước phát triển, xây dựng chính sách đặc thù, vượt trội cho các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành đạt đẳng cấp quốc tế; (ii) tiếp tục chương trình tuyển chọn, gửi đi đào tạo nhân lực trình độ cao thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm ở các nước có nền khoa học công nghệ tiên tiến; (iii) xây dựng chương trình thí điểm hỗ trợ kinh phí cho các trường đại học trong nước liên kết với các trường đại học nước ngoài để đào tạo nhân lực cho ngành tại Việt Nam.

- Triển khai các giải pháp nâng cao số lượng và chất lượng, tăng cường hợp tác công - tư trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của ngành: (i) Hợp tác với các trường để đổi mới chương trình đào tạo nhân lực hướng tới đáp ứng yêu cầu của thực tế sản xuất, nâng cao các kỹ năng đổi mới sáng tạo; (ii) đề nghị các trường đại học khuyến khích triển khai các luận văn tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ dưới dạng các dự án, nhiệm vụ cụ thể; (iii) đa dạng hóa các hình thức và tài liệu đào tạo nhân lực thông qua công nghệ số, mạng xã hội, các kênh truyền thông.

- Thúc đẩy thu hút và dịch chuyển nhân lực thông qua: (i) rà soát, chỉnh sửa các quy định nhằm khuyến khích chuyển dịch nhân lực hai chiều giữa khu vực viện nghiên cứu, trường đại học với các đơn vị sự nghiệp, thu hút nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao từ nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, người từ khu vực doanh nghiệp vào các vị trí quản lý, nghiên cứu, sản xuất ở các tổ chức sự nghiệp công lập; (iii) phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài; (iii) thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ ở nước ngoài, đặc biệt là các chuyên gia Việt kiều về nước tham gia hoạt động trong nước thông qua các dự án hợp tác, các nhiệm vụ KH&CN.

- Tăng cường đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có bằng cách đa dạng hóa hình thức đào tạo như: tổ chức tập huấn, đào tạo thực tế nâng cao kỹ năng, tay

nghề cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật các chuyên ngành một cách thường xuyên, liên tục. Hợp tác chuyên gia trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ cán bộ khoa học kỹ thuật theo hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học, sản xuất thử nghiệm,...

- Hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế như CCOP, IGCP, AMCAP để đào tạo cán bộ chuyên sâu về kỹ thuật địa chất, kỹ năng xử lý, luận giải tài liệu địa vật lý, xử lý tài liệu phân tích mẫu, xây dựng cơ sở dữ liệu, nâng cao trình độ ngoại ngữ để hội nhập quốc tế.

- Điều chỉnh chế độ chính sách nhằm thu hút lực lượng lao động trẻ, lực lượng lao động có tay nghề cao yêu nghề, gắn bó với nghề.

*2.4.7. Giải pháp về hợp tác quốc tế*

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu và dự báo khoáng sản đối với các cấu trúc sâu có tiềm năng khoáng sản; điều tra địa chất khoáng sản các vùng biển; điều tra địa chất đô thị, trong đó có điều tra địa chất không gian ngầm đô thị, địa chất 3D, 4D; Điều tra đánh giá khoáng sản ẩn sâu, điều tra khoáng sản biển sâu, băng cháy, kết hạch sắt - mangan; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản; ứng dụng công nghệ số.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để thu hút nguồn vốn, công nghệ của các nước tiên tiến trong điều tra địa chất, khoáng sản.

- Tham gia sâu, rộng và chủ động hơn trong các khuôn khổ hợp tác đa phương, song phương và các diễn đàn quốc tế về tài nguyên và môi trường, đảm bảo sự hiện diện và tiếng nói của ngành địa chất và khoáng sản Việt Nam tại các khuôn khổ hợp tác này.

- Đẩy mạnh tính chủ động trong việc tìm kiếm, thiết lập và thúc đẩy quan hệ hợp tác với đối tác nước ngoài; tăng cường và mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác truyền thống, xác định những đối tác tiềm năng mới và chủ động tiếp cận mở rộng quan hệ hợp tác.

- Tăng cường hợp tác quốc tế (HTQT) về nghiên cứu và dự báo khoáng sản đối với các cấu trúc sâu có tiềm năng khoáng sản để phát hiện mỏ mới; hợp tác để

tiếp cận các thành tựu khoa học địa chất của các nước tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng các phương pháp, thiết bị, công nghệ hiện đại trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Ưu tiên HTQT đối với các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản các vùng biển của Việt Nam.

- Xây dựng và triển khai các dự án HTQT trong lĩnh vực điều tra địa chất, khoáng sản biển sâu; khai thác năng lượng (năng lượng thủy triều, năng lượng sóng, năng lượng gió, năng lượng mặt trời); điều tra, khảo sát khoa học khoáng sản trên thềm lục địa Việt Nam.

*2.4.8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Quy hoạch*

a) Giải pháp về tổ chức thực hiện Quy hoạch

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch thông qua việc xây dựng kế hoạch 5 năm, 3 năm và kế hoạch hàng năm.

- Thường xuyên tổng hợp thông tin và báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch nhằm định hướng cho lập kế hoạch năm tiếp theo.

- Căn cứ kế hoạch thực hiện Quy hoạch, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chi tiết các nhiệm vụ được giao. Thường xuyên tổng hợp thông tin, báo cáo kết quả thực hiện, kịp thời đề xuất khó khăn cần tháo gỡ về cơ quan quản lý để chỉ đạo.

- Khi có các phát hiện địa chất, khoáng sản mới hoặc phát sinh vấn đề cần điều tra phục vụ các nhiệm vụ cấp bách, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ động đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch.

b) Giải pháp giám sát thực hiện Quy hoạch

- Giám sát việc thực hiện các nội dung trong Quy hoạch.

- Giám sát tiến độ thực hiện Quy hoạch hàng năm, 3 năm, 5 năm nhằm kịp thời đề xuất điều chỉnh nội dung, kinh phí, trang thiết bị, nguồn lực cho các nhiệm vụ có nhu cầu cấp thiết để hoàn thành nhiệm vụ đạt mục tiêu của Quy hoạch đã đề ra.

- Giám sát kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Quy hoạch để kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ cũng như tiến độ thực hiện quy hoạch.

- Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quy định về công tác giám sát thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

**2.5. Tổ chức thực hiện quy hoạch**

Các bộ, ngành lập kế hoạch triển khai theo phân công nhiệm vụ tại Điều 2 của Quyết định số 680/QĐ-TTg. Đồng thời trên cơ sở kế hoạch, cơ chế chính sách, giải pháp thực hiện như trên và căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành địa phương, giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, địa phương như sau:

2.5.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về các nội dung đề xuất, kiến nghị phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, trong đó nội dung Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu của Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được phê duyệt, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu tổng thể, tối ưu, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm khả thi, có hiệu quả.

- Tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền phổ biến nội dung quy hoạch, cung cấp thông tin về Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến các tổ chức, cá nhân để tham gia giám sát việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch hiệu quả tuân thủ theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và pháp luật có liên quan, đảm bảo khả thi**,** có hiệu quả.

- Tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 49, Điều 50 Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019. Căn cứ báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương điều chỉnh Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (nếu cần) để phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

- Tổ chức rà soát Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ 05 năm; trình Thủ tướng Chính phủ xem

xét, phê duyệt chủ trương điều chỉnh Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (nếu cần thiết) để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hiệu đính, cập nhật các nội dung trong Quy hoạch trong quá trình triển khai Quyết định số 680/QĐ-TTg; đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, định hướng tổng quát của Quy hoạch; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả hiệu đính, cập nhật Quy hoạch trong quá trình rà soát Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo định kỳ.

- Căn cứ Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được phê duyệt, kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hàng năm lập danh mục bổ sung các đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích tham gia đầu tư bằng vốn của các tổ chức, cá nhân trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Khoanh định, công bố loại khoáng sản, vị trí, toạ độ, diện tích đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích tham gia đầu tư bằng vốn của các tổ chức, cá nhân trên trang thông tin điện tử của Bộ theo Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản (Luật Khoáng sản sửa đổi), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tạo điều kiện cho các địa phương triển khai các Dự án phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi có khoáng sản tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

2.5.2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

Căn cứ Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 680/QĐ-TTg, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Quy hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật liên quan.

2.5.3. Các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và Quyết định 680/QĐ-TTg; kịp thời phản ánh với Bộ Tài nguyên và Môi trường về chất lượng, hiệu quả, nhu cầu sử dụng kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo Quy hoạch để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Quy hoạch.

2.5.4. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc triển khai hiệu quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo Quy hoạch trong phạm vi quản lý hành chính của tỉnh, thành phố. Bố trí kinh phí địa phương để thực hiện các nhu cầu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản của tỉnh theo Quy hoạch đã được phê duyệt, có phương án huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Quy hoạch theo nhu cầu của tỉnh, thành phố.

Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên phạm vi quản lý hành chính của tỉnh, thành phố.

## IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH "BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT, TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT VIỆT NAM VÀ CÁC VÙNG BIỂN KẾ CẬN TỶ LỆ 1/1.000.000".

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Tài nguyên và Môi trường giao, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Quyết định số 723/QĐ - ĐCVN ngày 03/11/2024 của Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam về việc phê duyệt nội dung và dự toán điều chỉnh nhiệm vụ "Thông tin khoa học và công nghệ" trong đó có nhiệm vụ "Bản đồ địa chất, tài nguyên địa chất Việt Nam và các vùng biển kế cận tỷ lệ 1:1.000.000", năm 2024, với nỗ lực không ngừng của 60 tác giả, chuyên gia trong cả nước về lĩnh vực địa chất và khoáng sản, cụm công trình đã hoàn thiện và xuất bản ấn phẩm.

Nội dung của công trình "Bản đồ địa chất, tài nguyên địa chất Việt Nam và các vùng biển kế cận tỷ lệ 1:1.000.000" nêu về những kết quả trong hơn 150 năm,

kể từ khi những nghiên cứu địa chất đầu tiên được bắt đầu tại Việt Nam, bức tranh về địa chất và tài nguyên trái đất Việt Nam được hình thành và ngày càng trở nên rõ nét hơn. Kết quả của các dạng công tác nghiên cứu điều tra cơ bản đã cho ra đời nhiều sản phẩm khoa học khác nhau ứng với từng giai đoạn trong lịch sử phát triển của Ngành Địa chất Việt Nam. Đó là các loạt bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ từ nhỏ (1:2.000.000; 1:1:000.000; 1:500.000) đến trung bình và lớn (1:200.000; 1:50.000) và các sách, tạp chí chuyên ngành trên phạm vi từ toàn lãnh thổ đến khu vực, địa phương.

Công trình *"Bản đồ địa chất, tài nguyên địa chất Việt Nam và các vùng biển kế cận tỷ lệ 1:1.000.000"* và sách thuyết minh (*Địa chất và tài nguyên địa chất Việt Nam* kèm theo bằng tiếng Việt và tiếng Anh) là công trình tổng hợp một cách toàn diện các tài liệu liên quan hiện có trên toàn bộ phần đất liền Việt Nam và các vùng biển kế cận mang tính hội nhập với Chương trình Khoa học Đia chất Quốc tế: Đề án IGCP 624. Một Địa chất Quốc tế (International One Geology).

Công trình này do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (năm 2023 là Cục Địa chất Việt Nam) là cơ quan chủ quản, giao cho Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng Địa chất tổ chức thực hiện theo quyết định số 1398/QĐ-BTNMT ngày 06/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

Đây là một chuyên khảo tổng hợp về khoa học Trái đất được thực hiện không liên tục trong nhiều năm qua, trong đó kế thừa những thành tựu nghiên cứu, điều tra cơ bản trước đây và được chỉnh lý, bổ sung các tài liệu mới đến đầu năm 2023. Công trình này được hoàn thành bởi một tập thể tác giả
gồm các nhà khoa học địa chất từ Cục Địa chất Việt Nam, Tổng hội Địa chất Việt Nam, Hội Dầu khí Việt Nam, Viện Địa chất (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam), Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), Tập
đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (TKV), các trường Đại học Mỏ Địa chất, Khoa học Tự nhiên Hà Nội cũng như một số nhà khoa học từ Nhật Bản, Pháp, CHLB Nga...

Công tác thành lập bản đồ cùng sách thuyết minh được tập thể tác giả thực hiện trong đề tài nghiên cứu khoa học mã số TNMT.03/10-15 do Đào Thái Bắc làm chủ nhiệm; Trần Văn Trị là chủ biên khoa học, Đào Thái Bắc và Nguyễn Xuân Bao là phó chủ biên, hoàn thành tại Trung tâm Thông
tin, Lưu trữ và Bảo tàng Địa chất, Cục Địa chất Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công tác xuất bản được thực hiện theo quyết định số 163/QĐ-ĐCVN ngày 03 tháng 2 năm 2023 của Cục Địa chất Việt Nam.

Ngoài lời nói đầu, sách thuyết minh cho bản đồ này gồm 3 phần:

*Phần I* gồm 2 chương: *Tổng quan về lịch sử nghiên cứu địa chất* và *Địa lý tự nhiên địa mạo Việt Nam*, trình bày những nét chủ yếu về lịch sử nghiên cứu địa chất và địa lý tự nhiên Việt Nam.

*Phần II* gồm 5 chương: *Địa tầng*, *Magma*, Biến chất, Cấu trúc kiến tạo khu vực, Tai biến địa chất và địa chất môi trường.

*Phần III* gồm 4 chương: Tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng, tài nguyên nước và di sản địa chất trình bày đặc điểm chung của các dạng tài nguyên theo hệ thống phân loại đang được áp dụng trên thế giới.

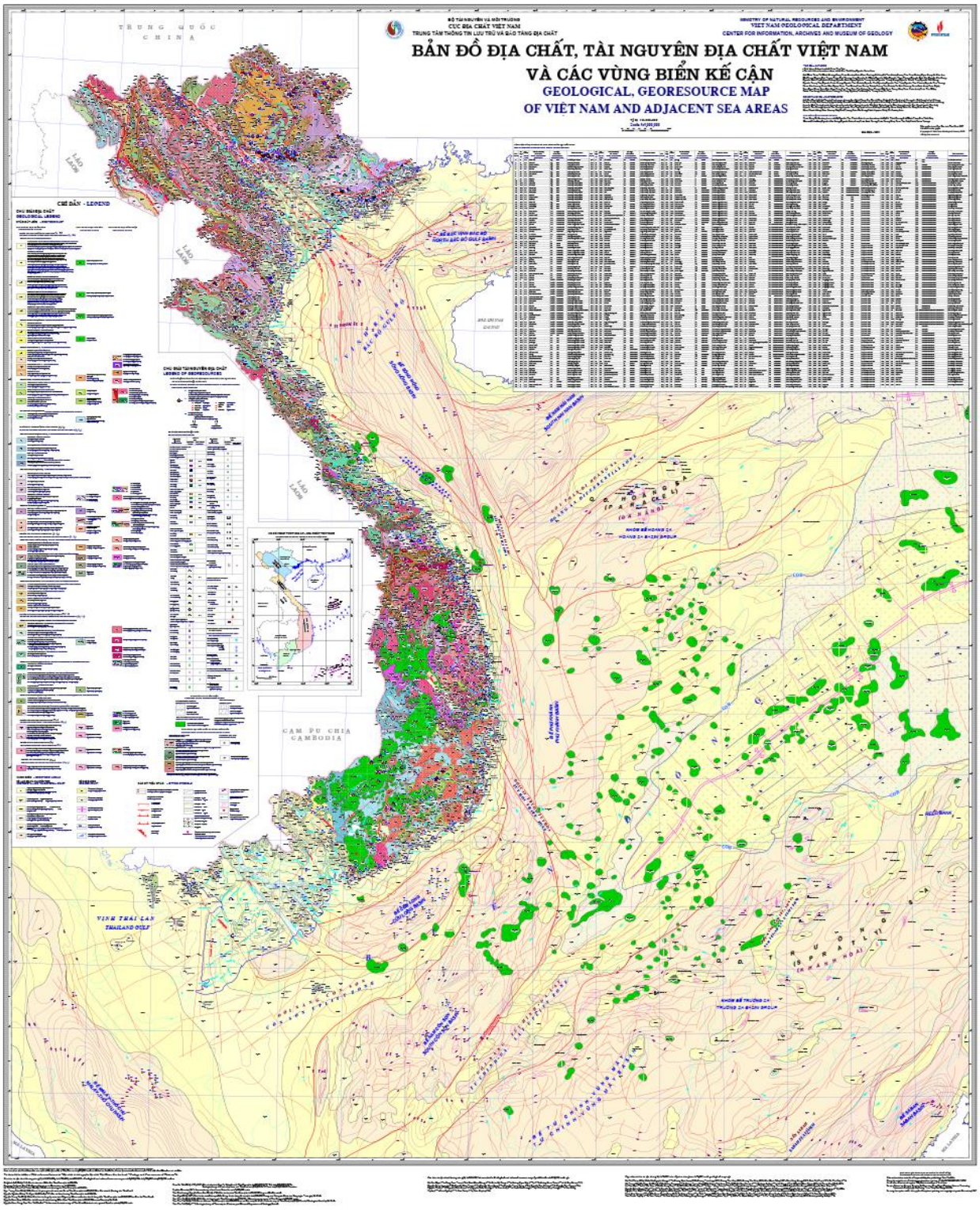
BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT, TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
VÀ CÁC VÙNG BIỂN KẾ CẬN
GEOLOGICAL, GEORESOURCE MAP
OF VIỆT NAM AND ADJACENT SEA AREAS
TRUNG QUỐC
CHINA
LÀO
LAOS
CAM PU CHIA
CAMBODIA
VỊNH THÁI LAN
THAILAND GULF

## V. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÔNG TIN, LƯU TRỮ, BẢO TÀNG PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

### 1. Công tác Thông tin địa chất

- Bảo trì hệ thống máy tính và mạng: Thực hiện công tác bảo trì hệ thống mạng máy tính gồm các máy chủ, máy trạm và các thiết bị ngoại vi, sửa chữa khắc phục sự cố kịp thời; các phần mềm hệ thống và phần mềm chuyên dụng được bảo trì và duy trì hoạt động, đảm bảo hệ thống mạng nội bộ và máy chủ của Trung tâm hoạt động bình thường.

- Duy trì, cập nhật thông tin website trên Internet: Website hoạt động ổn định với 1.010.382 lượt truy cập trong năm 2024, không có truy nhập trái phép. Quản trị hệ thống ứng dụng và dữ liệu được thực hiện, bao gồm các cơ sở dữ liệu và thông tin tĩnh. Thông tin, bài viết mới được thu thập, tạo lập và cài đặt lên Website. Hệ thống website và tên miền được duy trì ổn định.

- Duy trì vận hành phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu, bao gồm 03 phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu (CSDL) mức độ điều tra địa chất, khoáng sản, phần mềm quản lý CSDL thông tin địa chất, phần mềm quản lý CSDL địa chất, khoáng sản vùng Tây Bắc: Các phần mềm này liên tục được sử dụng để cập nhật thông tin mới của đơn vị, của các báo cáo nộp lưu trữ cũng như của các đề án thành phần thuộc đề án "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội". Một số lỗi, sự cố liên quan đến phần mềm, hệ thống (tràn bộ nhớ, một số chức năng phần mềm dừng hoạt động do không tương thích với phiên bản cập nhật của hệ điều hành, bộ thư viện...) đã được thường xuyên rà soát và khắc phục kịp thời.

- Duy trì, vận hành phần cứng công nghệ thông tin: Các thiết bị hệ thống gồm 2 máy chủ, 10 switch, 1 router, 7 wifi access point, và 1 thiết bị an ninh được di chuyển tới vị trí mới, được vệ sinh, thay một số linh kiện nhỏ đã hư hỏng theo thời gian để đảm bảo vận hành. Một máy chủ (chạy dự phòng) hiện đang bị lỗi bo mạch chủ, chưa có nguồn linh kiện thay thế sẵn có tại Việt Nam.

- Tạo lập dữ liệu cho CSDL mức độ điều tra địa chất, khoáng sản và CSDL thông tin địa chất: chuyển đổi dữ liệu sau khi đã được chuẩn hoá vào CSDL 1,35 ĐTQL đối với CSDL mức độ điều tra địa chất, khoáng sản và 1,73 ĐTQL đối với CSDL thông tin địa chất; đối với CSDL mức độ điều tra địa chất, khoáng sản đã nhập, đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng không gian 106.915 trường, dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian 100.809 trường; đối với CSDL thông tin địa chất đã nhập, đối soát dữ liệu có cấu trúc cho đối tượng phi không gian 25.225 trường thông tin. Các CSDL đã được biên tập, hiệu đính để tra cứu, khai thác thông tin, dữ liệu.

- Tạo lập dữ liệu cho CSDL của Đề án Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội: Trung tâm đang tiến hành thu thập, phân loại dữ liệu cần thiết thuộc các báo cáo đo vẽ bản đồ địa chất 1/50.000, địa chất đô thị, tai biến địa chất, thăm dò nước dưới đất, địa chất thuỷ văn - địa chất công trình trong khu vực các tỉnh trong phạm vi nghiên cứu của đề án gồm Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng. Công tác chuẩn hoá quy trình thực hiện biên tập bản đồ trên phần mềm ArcGIS và các bộ công cụ hỗ trợ, phục vụ xây dựng dữ liệu không gian đang được thực hiện. Năm 2024, Trung tâm đã số hoá 22 bản đồ chuyên ngành địa chất (Phức tạp loại 1), nhập, đối soát dữ liệu có cấu trúc đối tượng phi không gian, khối lượng 52.878 trường thông tin.

**2. Công tác Lưu trữ địa chất**

- Công việc kiểm tra, thu nhận báo cáo thực hiện theo đúng Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 5 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản và quy trình khai thác, sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản ISO 9001-2015: Kiểm tra bộ báo cáo giấy (*Kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của các văn bản pháp lý; Kiểm tra về thể thức, quy cách tài liệu theo quy định hiện hành; Kiểm tra tính thống nhất số liệu trong báo cáo giữa các bộ báo cáo in trên giấy và ở dạng lưu giữ tin; Kiểm tra tính đầy đủ, sự trùng khớp giữa các bộ của một báo cáo*); Kiểm tra báo cáo lưu trên đĩa CD (*Kiểm tra và tổ chức dữ liệu trên bộ đĩa CD; Kiểm tra tính chính xác và tính thống nhất của dữ liệu so với bản trên giấy*); Lập biên bản

kết quả kiểm tra tài liệu địa chất và khoáng sản; Nhận lại các báo cáo đã chỉnh sửa theo kết quả kiểm tra; Cấp giấy chứng nhận giao nộp tài liệu vào lưu trữ địa chất; Phân loại, đăng ký tài liệu, đánh số bảo quản, đóng dấu lưu trữ, dán tem nhãn danh mục bản vẽ cho quyển và hộp bản vẽ; Làm thủ tục chuyển các báo cáo sang bộ phận kho.

*Ảnh: Phân loại tài liệu nộp lưu trữ*

Trong năm 2024 đơn vị đã hoàn thành kiểm tra và thu nhận 190 báo cáo theo ký hiệu lưu trữ, tương ứng 100 báo cáo quy chuẩn có số bảo quản từ 5.547 đến 5.736. Tuy nhiên, do kinh phí nhà nước đặt hàng không đủ nên chỉ thanh toán được 44 báo cáo quy chuẩn, 56 báo cáo quy chuẩn còn lại Trung tâm thực hiện thu nhận nhưng không có kinh phí.

- Bảo quản kho lưu trữ địa chất: Kho lưu trữ địa chất hiện đang lưu trữ 5.105 báo cáo địa chất với các chuyên đề khác nhau, mỗi báo cáo lưu trữ 02 bộ. Trong năm 2024, Trung tâm đã chuyển 190 báo cáo mới tiếp nhận từ các đơn vị trong và ngoài Cục nộp vào kho lưu trữ tài liệu giấy (*Số bảo quản từ 5.547 đến 5.736*); hoàn thành bảo quản 555m giá tài liệu lưu trữ dạng giấy, 789m$^2$ kho; các phòng kho luôn được bảo quản ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ, không mối mọt; bảo quản 6.215 phương tiện lưu trữ tài liệu số, vệ sinh sạch sẽ không để xảy ra hiện tượng mốc, không đọc được. Kho Lưu trữ được bảo vệ 24/24h, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tài liệu, không để xảy ra sự cố cháy nổ, mất mát. Công tác phát hành ấn phẩm địa chất đã xuất bản được thực hiện thường xuyên.

*Ảnh: Cán bộ lưu trữ kiểm kê tài liệu định kỳ*

*Ảnh: Cán bộ lưu trữ kiểm kê tài liệu định kỳ*

- Phục vụ đọc tài liệu: Công tác phục vụ khách đọc được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo phục vụ đúng đối tượng, đúng thủ tục. Trong năm 2024 đã tiếp nhận 29 Công văn và 10 Giấy giới thiệu tham khảo và thu thập tài liệu địa chất khoáng sản của các đơn vị trong và ngoài Cục Địa chất Việt Nam, tương ứng phục vụ 57 lượt người. Khối lượng tài liệu cung cấp: phục vụ tham khảo 97 quyển thuyết minh, phụ lục và 366 bản vẽ báo cáo; cung cấp tài liệu số gồm 4.734 trang thuyết minh, phụ lục thuộc 86 báo cáo; 733 bản vẽ thuộc 84 báo cáo.

*Ảnh: Khách đọc tài liệu tại Trung tâm*

- Tổ chức lưu trữ tài liệu số: Đối chiếu nhãn của các phương tiện lưu trữ đã tiếp nhận với biên bản bàn giao; Kiểm tra dữ liệu số trên các phương tiện lưu trữ; Sao lưu tài liệu số, chuyển dữ liệu số vào thiết bị lưu trữ theo đúng phân loại tài liệu; Lập danh mục dữ liệu để cung cấp, khai thác, sử dụng phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước; Sắp xếp phương tiện lưu trữ vào tủ chuyên dụng; Chuyển dữ liệu số vào thiết bị lưu trữ và thực hiện phân loại tài liệu kết hợp xác định giá trị tài liệu và thời hạn bảo quản. Khối lượng thực hiện: 266,7GB.

*Ảnh: Công tác sắp xếp kho lưu trữ*

### 3. Công tác Bảo tàng địa chất

- Công tác phục vụ tham quan, nghiên cứu học tập: Trong năm 2024, Bảo tàng địa chất đã tiếp đón 6.121 lượt khách tham quan, cụ thể:

+ Bảo tàng Địa chất Hà Nội năm 2024 đã tiếp đón tổng số khách tham quan là **2.925** lượt, gồm 2.568 khách trong nước và 357  khách quốc tế (trong đó có 29 đoàn khách là sinh viên, học sinh các trường: ĐH Thuỷ Lợi, ĐH Quốc gia, ĐH Kiến trúc, ĐH Khoa học, ...).

*Ảnh: Các đoàn tham quan học tập tại Bảo tàng*

+ Bảo tàng Bảo tàng Địa chất thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024 đã tiếp đón tổng số **3.196** lượt khách tham quan, trong đó có 2.869 khách trong nước và 327 khách quốc tế.

- Công tác Bảo quản, trưng bày mẫu vật: Tổng số mẫu vật trưng bày tại Bảo tàng địa chất là 7.633 mẫu (*Hà Nội 4.230 mẫu, TP Hồ Chí Minh 3.403 mẫu*). Năm 2024 đã phân phát 3.000 tờ rơi tuyên truyền giới thiệu về Bảo tàng Địa chất. Thu thập, cập nhật thông tin để bổ sung các bản thuyết minh chuyên đề, đặc biệt hướng tới các đối tượng nhỏ dưới 10 tuổi có xu hướng tăng số lượng tham quan gần đây; Sử dụng bộ mẫu dùng cho thực tập gồm 33 mẫu trầm tích, magma, biến chất cho đối tượng là học sinh, sinh viên các trường; Xây dựng và thực hiện 01 chương trình hoạt động thuyết minh mới; Kiểm tra, thu thập, cập nhật tài liệu để bổ sung, thay thế 221 etiket mẫu trưng bày; Thu (ghi) 02 video clip khoa học trái đất: "Tóm tắt lịch sử 4,5 tỉ năm của Trái đất", " Sự va chạm của các mảng thạch quyển"; Biên tập 01 clip tổng hợp hình ảnh các hoạt động trải nghiệm và tuyên truyền của Bảo tàng Địa chất Hà Nội; Xây dựng kịch bản, thiết kế trưng bày và tổ chức trưng bày lưu động tại trường Tiểu học Mai Động; In mới tài liệu, bản đồ minh họa cho các chủ đề trưng bày của Bảo tàng TP Hồ Chí Minh; Bảo quản mẫu trưng bày ở các tủ và đôn trưng bày, bảo vệ các tủ và đôn trưng bày, các mô hình, bản đồ; Thường xuyên làm vệ sinh mẫu và khu vực trưng bày, kiểm tra thay thế các thiết bị điện trong các tủ và khu vực trưng bày.

- Công tác bảo quản kho mẫu vật: Ngoài số mẫu trưng bày thường xuyên phục vụ tham quan tuyên truyền, còn lại 41.398 mẫu được lưu giữ và bảo quản trong 8 kho (*Hà Nội 5 kho và TP Hồ Chí Minh 3 kho*). Sơn số hiệu, bảo quản mẫu trong các ngăn tủ, kệ, kho. Lấy mẫu đã lấy 33 mẫu trầm tích, magma, biến chất cho 12 đoàn là sinh viên các trường Đại học tham quan, học tập nghiên cứu, học. Thường xuyên làm vệ sinh mẫu, luân chuyển kiểm tra bảo quản mẫu vật. Kiểm kê 20.606 mẫu hồ sơ mẫu vật, kiểm kê sắp xếp phiếu mẫu vật của các năm đã lập, thống kê đối chiếu với hồ sơ, vào số liệu trên máy tính.

Năm 2024, thực hiện tổng kiểm kê mẫu vật tại hai Bảo tàng. Số mẫu trưng bày và mẫu bảo quản trong kho khớp với sổ sách theo dõi.

- Kiểm tra, tiếp nhận mẫu vật: Năm 2024, Bảo tàng Địa chất Hà Nội đã tiếp

nhận 07 bộ mẫu vật thông qua cổng dịch vụ công của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong đó: 02 bộ mẫu của các đề án địa chất, 04 bộ mẫu của doanh nghiệp, 01 bộ mẫu của cá nhân.

Thông qua các hoạt động của Bảo tàng đã đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập, tham quan của học sinh, sinh viên, các nhà khoa học và cộng đồng.

Khách tham quan đã đánh giá tích cực giá trị các bộ mẫu trưng bày và thái độ phục vụ của Bảo tàng địa chất trong các phiếu ý kiến, trên không gian mạng xã hội.

Kết quả hoàn thành các công việc chuyên môn về trưng bày, bảo quản, kiểm kê làm cơ sở để nghiên cứu các giải pháp khai thác hiệu quả nguồn lực của Bảo tàng, tạo sự ổn định để phát triển.

## VI. BÁO CÁO CÔNG TÁC KHOANH ĐỊNH KHU VỰC DỮ TRỮ KHOÁNG SẢN; KHOANH ĐỊNH KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN NHỎ LẺ.

### 1. Công tác quản lý khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Năm 2024, Cục tham mưu cho Bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc bàn giao hồ sơ tài liệu liên quan đến khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia để quản lý. Cục nhận được xác nhận của 19/26 tỉnh tiếp nhận hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia để điều chỉnh, bổ sung khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, trình phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ.

Các địa phương đã nhận xác nhận bao gồm: Bắc Kạn, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Hưng Yên, Lâm Đồng, Lào Cai, Quảng Ngãi, Thái Bình, Thái Nguyên, Ninh Thuận, Hà Nội, Thanh Hoá, Nam Định, Quảng Ninh, Quảng Nam.

### 2. Khoanh định khu vực khoáng sản nhỏ lẻ

Năm 2024, Cục trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố 08 khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, bao gồm:

- Đá hoa Quỳ Hợp, Nghệ An (03 khu vực);

- Sắt khu I xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

- Sắt Km 24, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

- Granit Gia Tó Ninh Thuận;

- Vàng gốc Khe Tăng, xã Phước Thành, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam;

- Vàng gốc Hơ Moong, Kon Tum.

**3. Nhiệm vụ kiểm tra công tác quản lý nhà nước tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; công tác giám sát các đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Năm 2024, Cục đã tổ chức Đoàn kiểm tra tại 03 tỉnh: Thanh Hóa, Gia Lai và Đắk Nông theo đúng kế hoạch, tiến độ được phê duyệt. Kết quả kiểm tra đã ghi nhận hiện trạng quản lý, bảo vệ tài nguyên tại các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, khu vực dữ trữ khoáng sản quốc gia tại các tỉnh nêu trên, về cơ bản là đáp ứng đúng yêu cầu, trách nhiệm được giao, bảo vệ tài nguyên theo quy định.

*Ảnh: Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam làm việc vơi UBND tỉnh Gia Lai*

Đối với công tác thực hiện giám sát thi công các đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho thấy công tác giám sát thi công thăm dò được UBND cấp tỉnh giao cho các đơn vị đủ chức năng, có kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện công tác giám sát theo quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản, cơ bản đảm bảo chất lượng.

*Ảnh: Ông Trần Mỹ Dũng - Phó Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam làm việc tại tỉnh Đắk Nông*

**Phụ lục. Danh sách hồ sơ các khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (IN KÈM KHÔNG DỊCH TIẾNG ANH)**

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| **A** | **ĐÃ XỬ LÝ** | | | | | | | |
| 1 | Đá phiến lợp khu vực Na Lay, tỉnh Điện Biên | Tỉnh đề nghị | 60 ha | Đã công bố (Quyết định 1109/QĐ-BTNMT ngày 05/5/2023) | | | | |
| 2 | Titan sa khoáng thôn Cang Gián, tỉnh Quảng Trị | Tỉnh đề nghị | 14,56 ha | Đã công bố (Quyết định 1324/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023) | | | | |
| 3 | Titan sa khoáng Sen Thủy, tỉnh Quảng Bình | Tỉnh đề nghị | 25,3 ha | Đã công bố (Quyết định 1817/QĐ-BTNMT ngày 04/7/2023) | | | | |
| 4 | vàng gốc G60, tỉnh Quảng Nam | Tỉnh đề nghị | 14,76 ha | Đã công bố (Quyết định 1816/QĐ-BTNMT ngày 04/7/2023) | | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 5 | Mỏ than Làng Bún, Thái Nguyên | Cty Công ty CP gang thép Gia Sàng đề nghị | 05 ha | - 122=14,032 ng.tấn<br>- 333=9,86 ng.tấn | <500 nghìn tấn | - Mỏ đã được cấp phép khai thác | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Cục ĐCVN đã có Công văn trả lời Công ty số 800/ĐCVN-ĐGTD ngày 10/5/2023 |
| 6 | Đồng gốc sấu, Giáo Liêm, Sơn Động, Bắc Giang | Cty CP Anh Phong đề nghị CV 30/CTAP 10/3/2023 | 285 ha | Không có số liệu | <4500 tấn Cu | - Mỏ đã được cấp phép khai thác | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Hồ sơ do Cục Khoáng sản Việt Nam chuyển sang. Cục Địa chất Việt Nam đã có ý kiến gửi KSVN tại Công văn số 1043/ĐCVN-ĐGTD ngày 15/6/2023 |
| 7 | Một số điểm khoáng sản Sơn La | Công ty TNHH XD vận tải và khai thác khoáng sản | Nhiều điểm | Không có số liệu | Cục ĐCVN đã có Công văn trả lời Công ty số 1482/ĐCVN-ĐGTD ngày 9/8/2023 | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| | | Tây Bắc đề nghị | | | | | | |
| 8 | Đá hoa Quỳ Hợp, Nghệ An (03 khu vực) | Tỉnh đề nghị | 19 ha | Đã công bố (Quyết định 247/QĐ-BTNMT ngày 29/01/2024) (Công bố 03/10 khu vực tỉnh đề nghị) | | | | |
| 9 | Sắt khu I xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Tỉnh đề nghị | 8,8 ha | Đã công bố (Quyết định số 1808/QĐ-BTNMT ngày 02/7/2024) (công bố 01 khu vực/03 khu vực tỉnh đề nghị) | | | | |
| 10 | Sắt Km 24, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Tỉnh đề nghị | 7,9 ha | Đã công bố (Quyết định số 1808/QĐ-BTNMT ngày 02/7/2024) | | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 11 | Than nâu Tô Mậu Lục Yên, Yên Bái (gồm 05 khu vực) | Tỉnh đề nghị CV 3643/UBND-TNMT 30/10/2023 | 74,7ha | Báo cáo T.126; Bđ.256; 03 khu vực chưa có TN, 02 khu vực có TN than cấp 334b | <500 ng.tấn | - Mỏ đã được cấp phép khai thác.<br>- Đã thu hồi giấy phép. | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Bộ TNMT đã có Công văn số 1042/BTNMT-ĐCVN ngày 20/02/2024 gửi UBND tỉnh Yên Bái thông báo kết quả rà soát. |
| 12 | Granit Gia Tó Ninh Thuận | Tỉnh đề nghị CV2048/UBND-KTTH 23/5/2023 | 18,04 ha | Đã công bố (Quyết định số 3476/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2024)<br>(diện tích công bố 10,98 ha) | | | | |
| 13 | Vàng gốc Khe Tăng, xã Phước | Tỉnh đề nghị CV | 11 ha | Đã công bố (Quyết định số 2882/QĐ-BTNMT ngày 06/9/2024)<br>(công bố 01 khu vực gồm 02 diện tích; tổng diện tích công bố 11 ha) | | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| | Thành, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam | 378/UBND-KTN ngày 18/01/2023 | | | | | | |
| 14 | Mangan Khuôn Han | Tỉnh đề nghị CV 1929/UBND-KTTH ngày 28/6/2024 | 15,85 ha (gồm 02 diện tích) | Không có số liệu | < 200.000 tấn $MnO_2$ | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự | Được cấp phép trước Luật Khoáng sản 2010; trước khi hết hạn đã hoàn thành báo cáo thăm dò nâng cấp trữ lượng; Bộ đã xem xét hồ sơ, có Công văn số 7698/BTNMT-ĐCVN ngày 04/11/2024 đề nghị UBND tỉnh Hà Giang tổ chức phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp và báo cáo lại Bộ để xem xét, |
| | Mangan thôn Bậu (Khuôn Pục) | | 20,31 ha | Không có số liệu | < 200.000 tấn $MnO_2$ | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| | | | | | | | | công bố khu vực có KS phân tán, nhỏ lẻ. |
| 15 | Vàng gốc Hơ Moong, Kon Tum | Tỉnh đề nghị CV 951/UBND-NNTN ngày 22/3/2024 | 11,28 ha (02 diện tích) | Đã công bố (Quyết định số 4285/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2024) (công bố 01 khu vực gồm 02 diện tích; tổng diện tích công bố 4,8 ha) | | | | |
| 16 | 03 khu vực than tại (1) khu Tường Tiến-Tường Phong; (2) khu Nà Lương 1 và (3) khu Nà Lương 2. | Tỉnh đề nghị CV 5520/UBND-KT ngày 28/11/2024 | (1) Tường Tiến-Tường Phong: 84,5 ha; (2) Nà Lương 1: | Đã công bố (Quyết định số 358/QĐ-BTNMT ngày 05/02/2025) (công bố 03 khu vực với tổng diện tích công bố 188,38 ha) | | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| | | | 40,9 ha và (3) Nà Lương 2: 62,8 ha | | | | | |
| 17 | Đá bazan ốp lát Đắk Smar Gia Lai | Tỉnh đề nghị CV 1815/UBND-CNXD 13/7/2023 | 17 ha | Đã công bố (Quyết định số 358/QĐ-BTNMT ngày 05/02/2025) (công bố 03 khu vực với tổng diện tích công bố 188,38 ha) | | | | |
| 18 | 02 khu vực khoáng sản thạch anh i) Khuổi Luông, thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn; (ii) Nà | Tỉnh đề nghị CV 8070/UBND-NNTNMT 04/11/2024 | Khuổi Luông: 38,6 ha; Nà | Đã công bố (Quyết định số 366/QĐ-BTNMT ngày 06/02/2025) (công bố 01 khu vực (Khuổi Luông) với diện tích công bố 10,98 ha; khu vực Nà Chiếm 1 không đảm bảo tiêu chí khoanh định) | | | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| | Chiếm 1 xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn | | Chiếm 1: 3,38 ha | | | | | |
| **B** | **ĐANG XỬ LÝ** | | | | | | | |
| 19 | Than Linh Đức, xã Linh Phú Chiêm Hóa, Tuyên Quang | Tỉnh đề nghị CV 3589/UBND-KT 03/8/2023 | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | <500 ng.tấn | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đang xin ý kiến Uỷ ban nhân dân các tỉnh |
| 21 | Mangan Lâm Bình, Tuyên Quang | | Chưa có số liệu | Chưa có số liệu | <200.000 tấn $MnO_2$ | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 22 | 02 khu vực sắt Trấn Yên, Yên Bái: Núi 409 (gồm 02 khu nhỏ), Cận Còng (gồm 03 khu nhỏ) | Tỉnh đề nghị CV 1460/UBND-TNMT 19/5/2023; số 2931/UBND-TNMT 05/9/2023 | Núi 409: 40,8ha; Cận Còng: 67ha | Chưa có số liệu | <200 ng.tấn Fe | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Cả 03 khu vực đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác. Đã thu hồi giấy phép. Chưa đóng cửa mỏ.<br>Liên đoàn Địa chất TB đang điều tra hiện trạng, xác định tài nguyên |
| 23 | Sắt xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Tỉnh đề nghị CV 4514/UBND-TNMT ngày 16/12/2022; số 1777/UBND-KT 04/5/2023 | 6,6 ha | - 122=29,522 nghìn tấn Fe | <200 ng.tấn Fe | - Mỏ đã được cấp phép khai thác | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đang đề nghị xem xét |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 24 | Than Suối Lúa-Suối In, Sơn La (gồm 02 khu Suối Lúa và Suối In) | Tỉnh đề nghị CV 3959/UBND-KT 04/10/2023 | Suối Lúa:20,56ha; Suối In: 25,02ha | Chưa có số liệu | <500 ng.tấn | - Mỏ đã được cấp phép khai thác.<br>- Đã đóng cửa mỏ. | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đã có Phiếu trình Bộ. |
| 25 | Chì kẽm Tân Tiến, Sơn Dương, Tuyên Quang | Tỉnh đề nghị CV 1777/UBND-KT ngày 04/5/2023 | 22 ha | Không có số liệu | <9000 tấn Pb+Zn | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đã kiểm tra theo tài liệu địa chất Lưu trữ. |
| 26 | Chì kẽm Đồng Hoan, Sơn Dương, Tuyên Quang | Tỉnh đề nghị CV 1777/UBND-KT 04/5/2023 | 19,7 ha | Không có số liệu | <9000 tấn Pb+Zn | - Không thuộc khu vực cấm, tạm cấm | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đã kiểm tra theo tài liệu địa chất Lưu trữ. |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 27 | Chì-kẽm Na Sơn, Tùng Bá, Vị Xuyên, Hà Giang | Tỉnh đề nghị CV 3991/UBND-KTTH 06/12/2023 | 20 ha (khu I 11ha, khu II 9ha) | 333= 5.956 tấn (QĐ 495/QĐ-ĐCKS-ĐC ngày 02/8/2006) | <9000 tấn Pb+Zn | - Mỏ đã được cấp phép khai thác. Đang thi công đề án đóng cửa mỏ | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đang rà soát tài liệu địa chất. |
| 28 | Mangan thôn Lâm, Bắc Quang, Hà Giang | | 57,98 ha | Không có số liệu | < 200.000 tấn $MnO_2$ | - Mỏ đã được cấp phép khai thác.<br>- Đã có QĐ đóng cửa mỏ | | |

| TT | Tên khu vực | Pháp lý | Diện tích | Tài nguyên | | Khu vực cấm tạm cấm | Khu vực dự trữ KSQG | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Phê duyệt | Quy định tại NĐ 158 | | | |
| 29 | Sắt Sài Lương, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, Yên Bái | Tỉnh đề nghị CV 4391/UBND-TNMT 21/12/2023 | 20,0 ha | Không có số liệu | <200 ng.tấn Fe | - Mỏ đã được cấp phép khai thác;<br>- Đã có QĐ đóng cửa mỏ | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đang chờ kết quả điều tra đánh giá hiện trạng của Liên đoàn Địa chất Tây Bắc để hoàn thiện Hồ sơ báo cáo Bộ. |
| 30 | Sắt xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái | | 4,0 ha | Không có số liệu | <200 ng.tấn Fe | - Mỏ đã được cấp phép khai thác;<br>- Đã có QĐ đóng cửa mỏ | - Không thuộc khu vực dự trữ KSQG | Đang chờ kết quả điều tra đánh giá hiện trạng của Liên đoàn Địa chất Tây Bắc để hoàn thiện Hồ sơ báo cáo Bộ. |

**Phụ lục. Danh sách các tỉnh xác nhận hồ sơ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia**

| STT | Tên cơ quan (số văn bản) | Ghi chú |
|---|---|---|
| **I** | **Các tỉnh đã có văn bản xác nhận** | |
| 1 | UBND tỉnh Bắc Kạn | (3745/UBND-NNTNMT ngày 05/6/2024) |
| 2 | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | (9512/UBND-VP ngày 10/7/2024) |
| 3 | UBND tỉnh Bình Phước | (2136/UBND-KT ngày 03/6/2024) |
| 4 | UBND tỉnh Bình Thuận | (2119/UBND-KT ngày 07/6/2024) |
| 5 | UBND tỉnh Đắk Lắk | 5210/UBND-NNMT ngày 13/6/2024) |
| 6 | Sở TNMT tỉnh Đắk Nông | (1252/STNMT-KSTNN ngày 05/6/2024) |
| 7 | UBND tỉnh Gia Lai | (1573/UBND-CNXD ngày 27/6/2024) |
| 8 | UBND tỉnh Hưng Yên | (1555/UBND-KT2 ngày 07/6/2024) |
| 9 | UBND tỉnh Lâm Đồng | (4420/UBND-TL ngày 03/6/2024) |
| 10 | UBND tỉnh Lào Cai | (3056/UBND-KT ngày 10/6/2024) |
| 11 | UBND tỉnh Quảng Ngãi | (3246/UBND-KTN ngày 20/6/2024) |

| STT | Tên cơ quan (số văn bản) | Ghi chú |
|---|---|---|
| 12 | UBND tỉnh Thái Bình | (2123/UBND-NNTNMT ngày 06/6/2024) |
| 13 | UBND tỉnh Thái Nguyên | (2791/UBND-CNNXD ngày 03/6/2024) |
| 14 | UBND tỉnh Ninh Thuận | (3207/UBND-KTTH ngày 16/7/2024) |
| 15 | Sở TNMT thành phố Hà Nội | (4718/STNMT-KS ngày 18/6/2024) |
| 16 | Sở TNMT tỉnh Thanh Hoá | (6553/STNMT-TNKS ngày 23/7/2024) |
| 17 | Sở TNMT tỉnh Nam Định | (4066/STNMT-TNKS ngày 25/9/2024) |
| 18 | Sở TNMT tỉnh Quảng Ninh | (6403/TNMT-NKB ngày 24/10/2024) |
| 19 | UBND tỉnh Quảng Nam | (3955/UBND-KTN ngày 30/5/2024) |
| **II** | **Các tỉnh chưa có văn bản xác nhận** | |
| 1 | UBND tỉnh Quảng Trị | |
| 2 | UBND tỉnh Quảng Bình | |
| 3 | UBND tỉnh Tuyên Quang | |
| 4 | UBND tỉnh Thừa Thiên Huế | |
| 5 | UBND tỉnh Phú Yên | |
| 6 | UBND tỉnh Bình Định | |
| 7 | UBND tỉnh Yên Bái | |

## VII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

### 1. Về khoa học công nghệ

Năm 2024, Cục triển khai có hiệu quả công tác nghiên cứu phát triển KHCN, hợp tác chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, môi trường địa chất. Nghiên cứu kiến trúc kiến tạo và sinh khoáng nội sinh đới Sông Chảy; xây dựng mô hình toán - địa chất - tài nguyên nước dự báo, cảnh bảo động đất kích thích, Áp dụng thử nghiệm tại khu vực Tây Nguyên; nghiên cứu, chế tạo thiết bị đo phổ gama hàng không sử dụng máy bay không người lái; nghiên cứu xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về địa vật lý trong điều tra địa chất công trình, địa chất thủy văn và địa chất đô thị; nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa vật lý trong đánh giá tài nguyên địa chất, khoáng sản khu vực lòng hồ, lòng sông và cửa biển; nghiên cứu triển vọng quặng Niken và khoáng sản đi kèm (Cu, Co, PGE) liên quan với các thành tạo mafic, siêu mafic miền Bắc Việt Nam phục vụ điều tra, thăm dò khoáng sản; nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí nhận dạng đất hiếm trong vỏ phong hóa và đề xuất quy trình điều tra, đánh giá; nghiên cứu hoàn thiện phương pháp lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 vùng đồng bằng châu thổ Việt Nam; nghiên cứu đề xuất quy định kỹ thuật lập bản đồ địa hóa đất và vỏ phong hóa đa mục tiêu tỷ lệ 1/250.000 (Trong đó, 01 đề tài đã hoàn thành nghiệm thu cấp quản lý, 04 đề tài đã hoàn thành nghiệm thu cơ sở, đã trình Bộ TNMT nghiệm thu cấp quản lý. Phê duyệt 07 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở; trình Bộ TNMT phê duyệt 02 Đề tài KHCN cấp bộ mở mới 2025).

**2. Về hợp tác quốc tế**

Năm 2024, Cục đã tổ chức nhiều đợt khảo sát thực tế, hội thảo trao đổi kinh nghiệm và ký kết biên bản ghi nhớ với một số nước như: Hoa Kỳ, Hà Lan; Úc, Nga, Trung Quốc, Đức, Hàn Quốc về lĩnh vực địa chất, khoáng sản. tham quan học tập thực tế công tác quản lý, khai thác, chế biến đất hiếm, liti, tái chế khoáng sản làm pin tại Hoa Kỳ; phối hợp với Cục Tài nguyên năng lượng Hoa Kỳ tổ chức buổi thảo luận về phương pháp tiếp cận quản lý chuỗi nguyên liệu thô để thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam; phối hợp với Đại Sứ quán Hà Lan tổ chức Hội đàm chuyên đề "Khai thác cát ngoài khơi bền vững"; về chuyển giao công nghệ với Hàn Quốc; về nghiên cứu khoáng sản biển sâu với Tập đoàn vận tải FESCO Liên bang Nga; Cục Địa chất Trung Quốc; với Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản Hàn Quốc (KIGAM); đề xuất hợp tác với Sở Địa chất Quảng Tây, Trung Quốc, trung tâm hợp tác ASEAN - Trung Quốc; ký MOU với Công ty Xcalibur, Australia tại Việt Nam về hợp tác chuyển giao công nghệ bay đo địa

vật lý; Xây dựng năng lực quản lý chuỗi nguyên liệu thô phục vụ quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam do chính phủ Đức tài trợ.

*Ảnh: Cục Địa chất Việt Nam tiếp và làm việc với đoàn Nga*

*Ảnh: Hội nghị Liên lạc viên Diễn đàn Hợp tác khoáng sản Asean - Trung Quốc*

Thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TNMT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cử Đoàn cán bộ đi công tác tại Hoa Kỳ để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn về điều tra cơ bản địa chất, kinh tế địa chất và các phương pháp định giá trữ lượng tài nguyên khoáng sản, Đoàn do Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam làm Trưởng đoàn từ ngày 05-10/5/2024 tại Washington, California, và Nevada, Hoa Kỳ, kết quả làm việc cụ thể như sau:

***2.1.*** *Họp với Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*

Thành phần tham dự: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Công ty tư vấn Delloite.

- Đại diện Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Trợ lý Bộ trưởng Anna Shpitsberg phát biểu chào mừng Đoàn công tác đến từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công An Việt Nam, trong đó nêu bật giá trị thực hiện các hoạt động ý nghĩa của Đoàn trong hợp tác giữa hai cơ quan, đóng góp quan trọng vào chương trình nghị sự giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Ông Albert Degarmo và các thành viên đến từ Cục Tài nguyên năng lượng Hoa Kỳ đã sôi nổi thảo luận, trao đổi kinh nghiệm về các chương trình địa chất và khoáng sản như: địa chất toàn cầu, khoáng sản quan trọng, công nghệ điều tra và chế biến khoáng sản của Hoa Kỳ, và đề xuất các chương trình hỗ trợ xây dựng luật địa chất và khoáng sản cho Việt Nam.

- Trưởng Đoàn Việt Nam, TS. Trần Bình Trọng phát biểu chào mừng và trình bày tổng quan về chương trình hợp tác với Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ hiện tại và đề xuất kế hoạch giai đoạn 2025-2030. Theo đó thống nhất với Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ xây dựng dự án kỹ thuật một số loại khoáng sản thiết yếu, trong đó có đất hiếm, phía Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ báo cá Bộ chủ quản và Chính phủ hai nước phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Phía Hoa Kỳ mong muốn Bộ Tài nguyên và Môi trường cử đầu mối tham gia Diễn đàn năng lượng Việt Nam - Hoa Kỳ được tổ chức luân phiên hai năm một lần, Diễn đàn năm nay sẽ được tổ chức tại Washington, Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 2024; Chương trình Đối thoại An ninh năng lượng toàn cầu cũng được phía Hoa Kỳ đề xuất để Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an Việt Nam trình Chính phủ phê duyệt chủ trương tham gia.

*) Một số hình ảnh của Đoàn tại Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ

*Ảnh: Quang cảnh buổi làm việc tại Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*

*Ảnh: Đoàn Công tác chụp ảnh lưu niệm với Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*

*Ảnh: Đoàn Công tác chụp ảnh lưu niệm tại trụ sở Cục Tài nguyên và năng lượng Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*

***2.2.*** *Thăm quan mỏ và nhà máy chế biến đất hiếm Mountain Pass Materials (MP Materials).*

- Đoàn đã đến thăm MP Materials, công ty khai thác mỏ đất hiếm duy nhất đang hoạt động tại Mỹ, là đơn vị vận hành hoạt động khai thác đất hiếm tại mỏ MP ở California, MP Materials cho biết họ đã đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý đất hiếm từ cuối năm 2020, sau khi Trung Quốc tuyên bố sẽ tăng thuế đối với các sản phẩm quặng nhập khẩu từ Mỹ lên 25% từ ngày 1/6/2019. MP Materials trước đây chủ yếu xuất khẩu quặng có chứa ôxit đất hiếm sang Trung Quốc để chế thành neodymium, cerium cùng các nguyên tố khác được sử dụng trong nam châm, xe điện, điện thoại thông minh hay một số sản phẩm điện tử.

- Các loại đất hiếm tại mỏ Mountain Pass, được phát hiện năm 1949, bao gồm cerium, lanthanum, neodymium và europium, và được công ty Molycorp khai thác trong hơn nửa thập kỷ cho tới năm 2015, trước khi được MP Materials mua lại và bắt đầu khởi động từ năm 2017 dưới sự điều hành của Tổng giám đốc James H. Litinsky, và Giám đốc điều hành Micheal Rosenthal.

- Đoàn đã thăm quan toàn bộ khu mỏ MP và khu chế xuất đất hiếm, cho thấy chất lượng quặng tốt giúp MP có lợi thế cạnh tranh lớn nhờ giảm thiểu chi phí xử lý, nhưng phải đối mặt với những áp lực từ việc tuân thủ các quy định về môi trường, giá nhân công, xử lý nước thải và vận chuyển, vv...Tuy nhiên, việc sửa chữa và hoàn thiện những cơ sở xử lý nguồn tại Mountain Pass luôn là một phần quan trọng trong kế hoạch của MP kể từ năm 2017. Chiến lược trên càng được tiếp thêm động lực khi Trung Quốc năm 2023 tăng 10% thuế với quặng nhập khẩu, đặt MP vào vị trí khó xử giữa chính quyền Hoa Kỳ và thị trường lớn nhất của mình.

- Đoàn đã có trao đổi về chương trình hợp tác với MP, và phía MP nhất trí cùng Cục Địa chất Việt Nam và các thành viên trong Đoàn lập dự án để trình chính phủ hai bên phê duyệt. MP hiện đang được Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ hỗ trợ phát triển các dự án nghiên cứu, các hoạt động hiện trường và chế biến. Cục Địa chất Việt Nam cũng đang có chương trình chia sẻ và trao đổi với Công binh Hoa Kỳ, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ về chương trình sụt lún vùng bờ tại đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy đây chính là những thuận lợi khi các cơ quan đã có các liên kết

để cùng nhau lập dự án, Việt Nam mong muốn có thể sớm gửi mẫu sang MP Materials để phân tích.

*) Một số hình ảnh của đoàn tại MP Materials

Đoàn Công tác thăm Khu điều hành nhà máy chế biến đất hiếm Mountain Pass Materials (MP Materials).

***2.3.*** *Làm việc với Trường Đại học Nevada*

- Đoàn đã có buổi làm việc với trường Đại học Nevada, cùng nhau trao đổi chủ đề khai thác liti dùng trong sản xuất pin khi ngành ôtô điện thế giới phát triển. Theo đó Nevada là quê hương của các công ty hàng đầu thế giới về phát triển và tái chế pin EV, cũng như mỏ liti duy nhất đang hoạt động tại Hoa Kỳ, mỏ liti lớn nhất đang được sản xuất ở Bắc Mỹ và cơ sở hạ tầng nghiên cứu tiên tiến, cùng với danh hiệu Tech Hub minh chứng cho kế hoạch tăng cường hệ sinh thái công nghệ quan trọng và trở thành quốc gia dẫn đầu toàn cầu trong thập kỷ tới.

- Giáo sư Frederick Steinmann, trường Đại học Thương mại thuộc Đại học Nevada cho biết: "Đại học Nevada, Reno tiến hành nghiên cứu tiên tiến và điều hành các chương trình giáo dục được công nhận trên toàn quốc liên quan đến tài nguyên và công nghệ xe điện". "Phối hợp với ngành liên quan, Nevada có các chương trình phát triển lực lượng lao động được thiết lập tốt nhằm giáo dục, đào tạo và chuyển đổi lực lượng lao động thế hệ tiếp theo sang nền kinh tế của tương lai. Thêm vào đó, Đại học Nevada, Reno rất tự hào về những nỗ lực phát triển lực lượng lao động nhằm củng cố mối liên kết kinh tế giữa các khu vực công, tư nhân và phi lợi nhuận. Việc Cơ quan Phát triển Kinh tế Hoa Kỳ công nhận Nevada là Trung tâm Đổi mới và Công nghệ Khu vực của Hoa Kỳ không chỉ là minh chứng cho sự lãnh đạo toàn cầu về công nghệ năng lượng tiên tiến, mà còn là sự chỉ định sẽ trao quyền cho Trường Đại học đảm bảo nguồn tài trợ liên bang cho phép hỗ trợ một loạt các chiến lược thành lập, thu hút, duy trì và mở rộng kinh doanh cũng như các hoạt động phát triển lực lượng lao động được thiết kế để tiếp tục xây dựng thêm pin liti của Nevada và  cung cấp vật sản xuất liệu xe điện.

- Với nền tảng là các nguồn nguyên liệu thô tự nhiên cần thiết cho pin thế hệ tiếp theo, Loop Tech Hub tại Nevada đang nỗ lực điều chỉnh và điều phối các hoạt động đổi mới và phát triển kinh tế với các tổ chức khởi nghiệp, giáo dục và phát triển lực lượng lao động giúp khu vực này trở thành một điểm sáng dẫn đầu thế giới về pin EV, và giúp Nevada trở thành một điểm quan trọng trong chuỗi cung ứng liti toàn cầu, giúp nền kinh tế pin trở nên linh hoạt và cạnh tranh hơn, đồng thời đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng

- Kết thúc các bài trình bày, các đơn vị tham gia đã sôi nổi thảo luận các vấn đề hợp tác, và thảo luận về các báo cáo, với nhiều nội dung đã được phân tích, chi

tiết để đưa ra các chương trình hợp tác giữa trường Đại học Nevada và các cơ quan thuộc thành phần Đoàn công tác. Đại diện phía trường khẳng định sẽ tiếp tục kết nối và liên lạc với các đại diện Việt Nam để thực hiện các chương trình hợp tác hiệu quả. Đóng góp vào chương trình đối tác toàn diện Việt Nam và Hoa Kỳ.

*) Một số hình ảnh của đoàn tại Trường Đại học Nevada

*Ảnh: Đoàn Công tác chụp ảnh lưu niệm tại Trụ sở Trường Đại học Nevada*

***2.4.*** *Thăm quan và làm việc với nhà máy tái chế Red Wood Materials*

- Đoàn đã đến thăm quan và làm việc tại nhà máy tái chế Red Wood Materials, với phương châm " xây dựng chuỗi cung ứng tuần hoàn để cung cấp năng lượng cho một thế giới bền vững và đẩy nhanh việc giảm nhiên liệu hóa thạch, cũng như chế tạo các loại pin bền vững và có giá thành hợp lý, và tái chế khi hết chu kỳ sử dụng, Redwood Materials thúc đẩy quá trình nội địa hóa chuỗi cung ứng pin toàn cầu và lần đầu tiên sản xuất các bộ phận cực dương và cực âm ở Hoa Kỳ - từ pin tái chế.

- Trụ sở của Redwood Materials ban đầu đặt tại Reno, nơi bắt đầu hoạt động tái chế. Redwood Materials là nhà máy tái chế với số vốn 2 tỉ USD được thành lập từ năm 2019, được hoàn thiện  xây dựng trụ sở mới và tái cơ cấu vào trung tuần tháng 4 năm 2024. Vào đầu năm 2023, công ty đã nhận về gói tín dụng liên dụng liên bang trị giá 2 tỉ USD và vốn hóa thị trường hiện ở mức 5 tỉ USD. Red Wood Materials ban đầu tập trung vào thu gom, tái chế những kim loại có giá trị cao như liti, graphite, đồng, coban từ pin điện tử đã qua sử dụng và phế liệu trong hoạt động sản xuất, Redwood Materials đã mở rộng quy mô sang sản xuất lá đồng làm cực dương của pin và có kế hoạch sản xuất xuất cực âm. Cực âm là thành phần quan trọng để cấu thành pin xe điện, với nguồn cung gần như nhập khẩu hoàn toàn từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.

- Chia sẻ với Đoàn công tác, Ông Chris Lister, giám đốc sản xuất, vận hành của Redwood  Materials với tư cách là Giám đốc chuỗi cung ứng cho biết "có rất nhiều vốn đầu tư cũng như nhiều dự án được công bố lẫn đang xây dựng trong lĩnh vực sản xuất pin với công suất hơn 800 GW/giờ chỉ tính riêng tại Mỹ trước cuối thập niên này." Tuy vậy, không nhiều khoản đầu tư tập trung vào sản xuất cực dương và cực âm tại Mỹ. Từ góc độ chiến lược kinh doanh, chuỗi cung ứng xe điện hiện nay đang có vấn đề và tồn tại n hiều khó khăn. Đó có thể không phải phần hấp dẫn nhất trong toàn bộ lĩnh vực xe điện để đầu tư nhưng tôi cho rằng đây là điều cấp bách và có thể trở thành điểm then chốt trong quá trình sản xuất. Vì vậy, chúng tôi rất muốn tập trung vào đó, để khôi phục và bán lại đủ vật liệu cũng như kim loại, bao gồm liti, coban, đồng và niken, để sản xuất pin điện tử cho 100.000 mẫu xe điện mới.

- Đoàn công tác đã có những chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm về hoạt động tái chế nói chung, đặc biệt là tái chế kim loại nói riêng. Tái chế kim loại là một lĩnh vực phổ biến giúp tận dụng hiệu quả nguồn phế liệu kim loại trong việc tạo ra các sản phẩm có giá trị cung ứng cho thị trường, khi các nguồn tài nguyên khoáng sản tự nhiên đang có xu hướng cạn kiệt và khan hiếm. Các thành viên trong Đoàn và đối tác Hoa Kỳ đều thống nhất quan điểm về tầm quan trọng của việc tái chế kim loại đối với con người mang lại những lợi ích không thể thay thế. Chính vì thế, cần phải tận dụng tốt và hiệu quả nguồn tài nguyên phế liệu hướng tới một thế giới đảm bảo an ninh năng lượng toàn cầu trong trong tương lai.

*Ảnh: Đoàn Công tác chụp ảnh lưu niệm tại nhà máy tái chế Red Wood Materials*

**2.5.** Đánh giá, kết quả

Thông qua trao đổi, thảo luận của Đoàn công tác, các bài trình bày của phía Việt Nam cũng như Hoa Kỳ, hiện trạng và các vấn đề hỗ trợ đảm bảo cung ứng năng lượng toàn cầu đã được làm rõ. Qua đó, có thể thấy các hiện tượng phổ biến được đề cập đến chủ yếu là mất cân bằng năng lượng, khó khăn và thuận lợi trong thăm dò và khai thác khoáng sản, cũng như tinh chế khoáng sản quan trọng, cụ

thể là đất hiếm, đặc biệt trong bối cảnh nguồn cung cấp khoáng sản thiết yếu trên thế giới đang dần cạn kiệt.

Trước những thách thức đó, cần có một nền tảng chung, chung tay hợp tác giữa hai quốc gia Việt Nam và Hoa Kỳ để tích hợp các cơ quan liên quan, đánh giá chương trình hợp tác hai quốc gia bên theo cách tiếp cận đa chiều một cách tổng hợp, nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia địa chất, khoáng sản cũng như đề xuất các công cụ hỗ trợ ra quyết định, giúp phát triển bền vững các nguồn tài nguyên, từ đó đưa ra các giải pháp để cân bằng tài nguyên trái đất thông qua: (1) trao đổi đội ngũ chuyên gia của Việt Nam và Hoa Kỳ; (2) cùng nhau xây dựng các dự án tại Việt Nam, và dự án hỗ trợ kỹ thuật về kinh tế địa chất và khoáng sản (3) Hợp tác xây dựng chương trình bảo vệ tài nguyên và giảm thiểu tác động gây ra từ các hoạt động điều tra cơ bản về địa chất và quản lý khai thác khoáng sản quá mức.

## VIII. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT; KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỀ ÁN ĐIỀU TRA, THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

### 1. Kết quả công tác giám định tư pháp lĩnh vực địa chất

1.1. Về kết quả tổ chức thực hiện giám định tư pháp

Năm 2024, Cục Địa chất Việt Nam giao Phòng Đánh giá, thăm dò địa chất là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc, yêu cầu các cá nhân, tổ chức giám định thực hiện công tác giám định và báo cáo tiến độ; các đơn vị chuyên môn trực tiếp thực hiện công tác giám định tư pháp, đồng thời, Cục Địa chất Việt Nam đã ban hành Quy trình nội bộ hướng dẫn công tác giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực địa chất tại Quyết định số 475/QĐ-ĐCVN ngày 06/7/2023 để hướng dẫn các tổ chức, người giám định tư pháp thực hiện công tác giám định. Trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/12/2024), Cục Địa chất Việt Nam đã triển khai thực hiện công tác giám định tư pháp theo vụ việc tổng 140 nhiệm vụ (trong có có 14 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023 và 126 nhiệm vụ giao mới trong năm 2024), đã hoàn thành 121 nhiệm vụ, dừng thực hiện 03 nhiệm vụ, tiếp tục thực hiện 16 nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ

- Cấp Trung ương trưng cầu

+ Tiếp tục thực hiện: 03 nhiệm vụ

- Cấp tỉnh trưng cầu

+ Đã hoàn thành: 15 nhiệm vụ;

+ Dừng thực hiện: 02 nhiệm vụ;

+ Tiếp tục thực hiện: 04 nhiệm vụ.

- Cấp huyện trưng cầu

+ Đã hoàn thành: 15 nhiệm vụ;

+ Dừng thực hiện: 01 nhiệm vụ;

+ Tiếp tục thực hiện: 01 nhiệm vụ.

b) Trưng cầu trực tiếp đơn vị trực thuộc Cục Địa chất Việt Nam

- Cấp trưng ương trưng cầu:

+ Tiếp tục thực hiện: 01 nhiệm vụ.

- Cấp tỉnh trưng cầu

+ Đã hoàn thành: 35 nhiệm vụ

+ Tiếp tục thực hiện: 04 nhiệm vụ.

- Cấp huyện trưng cầu

+ Đã hoàn thành: 55 nhiệm vụ

+ Tiếp tục thực hiện: 04 nhiệm vụ.

*Ảnh: Giám định mỏ núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa*

1.2. Về kết quả thực hiện giám định tư pháp

1.2.1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, hủy bỏ công nhận danh sách người, tổ chức giám định viên tư pháp theo vụ việc; thay đổi thông tin người giám định viên tư pháp

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

- Bổ nhiệm giám định viên tư pháp: 03 giám định viên;

- Miễn nhiệm giám định viên tư pháp: không.

b) Cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp

- Cấp thẻ giám định viên tư pháp: 03 thẻ;

- Thu hồi thẻ giám định viên tư pháp: không.

c) Công nhận, hủy bỏ công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc: Theo Quyết định số 567/QĐ-BTNMT ngày 11/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp

theo vụ việc của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Địa chất Việt Nam có 11 tổ chức và 68 cá nhân. Năng lực, chuyên môn của các tổ chức, người giám định tư pháp cơ bản đạt yêu cầu cả về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thâm niên công tác.

- Hủy bỏ công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc: Theo Quết định số 567/QĐ-BTNMT ngày 11/3/2024 đã hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc gồm 01 người: (1) Ông Ông Mai Trọng Tú - về hưu theo chế độ.

1.2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện giám định tư pháp

- Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nên việc thống nhất ký kết hợp đồng giữa tổ chức giám định với cơ quan trưng cầu giám định thường gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện công tác giám định so với thời gian quy định tại các quyết định trưng cầu giám định.

- Sau khi nhận được Quyết định giao của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc phải liên hệ với đại diện của cơ quan trưng cầu để trao đổi, làm việc về các nội dung liên quan đến công tác giám định. Tuy nhiên, việc cơ quan trưng cầu giám định thay đổi, chuyển cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết vụ việc (từ cấp Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện lên Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh hay từ Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an chuyển về Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh), như vậy, việc liên hệ, trao đổi nội dung công việc phải bắt đầu lại từ đầu, do đó, làm giảm tiến độ thực hiện công tác giám định.

- Do tính chất đặc thù của công tác điều tra của Cơ quan trưng cầu giám định, nên tổ chức, cá nhân giám định tư pháp chưa khẳng định được tính đại diện của các mẫu vật địa chất, khoáng sản do Cơ quan trưng cầu giám định lấy và gửi giám định, gây ảnh hưởng đến tính đúng đắn và khách quan của Kết luận giám định tư pháp.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng các quy định về giám định tư pháp, nâng cao trình độ chuyên ngành cho những cán bộ, công chức được bố trí trong công tác giám định tư pháp lĩnh vực địa chất nói riêng và lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, nhất là người giám định tư pháp ở các Sở Tài nguyên và Môi trường còn chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ tố tụng

1.2.3. Kiến nghị, đề xuất

- Về giám định mẫu vật: Nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu vật địa chất, khoáng sản gửi giám định, Cơ quan trưng cầu giám định cần nắm bắt quy trình lấy mẫu

của ngành địa chất. - Một số vụ việc có mức độ phức tạp cao, cần nhiều thời gian để nghiên cứu, đánh giá trước khi thực hiện tiếp nhận/từ chối trưng cầu giám định, do đó không đảm bảo đúng thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 11 và Điều 26a Luật giám định tư pháp.

- Kết luận giám định tư pháp là một trong những yếu tố quan trọng quyết định kết quả giải quyết vụ việc có đúng không vì kết luận giám định sai sẽ dẫn đến giải quyết không chính xác hoặc có thể bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội. Các kết luận giám định lĩnh vực địa chất đã được thực hiện, hoàn thành trên nguyên tắc bảo đảm tính đúng đắn, khách quan đã giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án được nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế oan sai, không bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, trách nhiệm của giám định viên về kết luận giám định rất lớn, gây ra thái độ e ngại khi được phân công thực hiện giám định tư pháp. Vì vậy, để đảm bảo tính khách quan của công tác giám định, cần phải có quy định cụ thể để bảo vệ danh tính của tổ chức, cá nhân thực hiện trước, trong và sau quá trình giám định.

- Về chi phí giám định: Vấn đề này thực tiễn thời gian qua là một trong những bất cập, làm ách tắc nhiều hoạt động giám định tư pháp do quy định hiện hành về chi phí giám định tư pháp chưa rõ ràng, dẫn đến hoạt động giám định chưa được nhận chi phí một cách đầy đủ, kịp thời, tương xứng với công sức, trí tuệ của người giám định cũng như những chi phí cần thiết khác. Để giải quyết vấn đề này, Cục Địa chất Việt Nam kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Bộ Công an ban hành quy định quy tắc, nguyên tắc phối hợp để xác định chi phí giám định và chế độ bồi dưỡng cho người giám định tư pháp là người đang được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

**2. Kết quả giám sát đề án điều tra, thăm dò khoáng sản**

Trong năm 2024, Cục giao **10** đơn vị thực hiện giám sát thi công **17** Đề án thăm dò khoáng sản (15 đề án giao mới và 02 đề án giao bổ sung).

- Đề án "Thăm dò nâng cấp các khối tài nguyên theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 298/GPBTNMT ngày 11/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khu vực Khai trường 19b thuộc xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai"

- Đề án "Thăm dò laterit làm phụ gia xi măng tại xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình"

- Đề án "Thăm dò đá granit làm ốp lát khu vực Hòn Giồ 1, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận"

- Đề án Thăm dò mỏ than Suối Lại, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Phương án "Tổng hợp, bổ sung công trình đánh giá trữ lượng đá hoa làm ốp lát, mỹ nghệ tại mỏ đá hoa Đầm Tân Minh II, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái"

- Đề án "Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ đá hoa trắng Mông Sơn, Làng Cạn (nay là thôn Làng Mới), xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái".

- Đề án "Thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"

- Đề án thăm dò quặng wolfram khu Quảng Ngần - Suối Ngần, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang và xã Việt Lâm, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

- Đề án thăm đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu I, khu II mỏ Lộc Môn thuộc xã Liên Sơn và xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình"

- Đề án "Thăm dò đá sét làm nguyên liệu xi măng tại xã Thống Nhất, huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hoà Bình".

*Ảnh: Giám sát thi công đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng thiếc, bismut mỏ Tây Núi Pháo của công ty Kim loại màu Thái Nguyên Vimico*

- Phương án "Bổ sung công trình và tổng hợp tài liệu đánh giá chất lượng, trữ lượng đá bazan đặc sít làm VLXDTT tại mỏ puzolan Giao Ninh, xã Bình Trung, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu".

- Đề án "Thăm dò quặng titan sa khoáng và khoáng sản đi kèm (cát thạch anh) tại khu vực xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị"

- Đề án "Thăm dò bổ sung khoáng sản đi kèm tại mỏ đá vôi Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam"

- Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2128/GP-BTNMT ngày 07/12/2012 mỏ than Tràng Bạch, tỉnh Quảng Ninh

- Phương án "Tổng hợp tài liệu, xác định trữ lượng, tài nguyên khoáng sản quarzit mỏ Đồn Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ".

- Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 52/GP-BTNMT ngày 15/02/2024 mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Đề án "Thăm dò nâng cấp trữ lượng đá hoa trắng trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 809/GP-BTNMT ngày 04/5/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khu vực Làng Lạnh II, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái".

Cục đã hướng dẫn, theo dõi công tác giám sát các đề án thăm dò và đã kiểm tra 18 Báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò kết thúc, có Văn bản chuyển Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia làm cơ sở thẩm định, phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò.

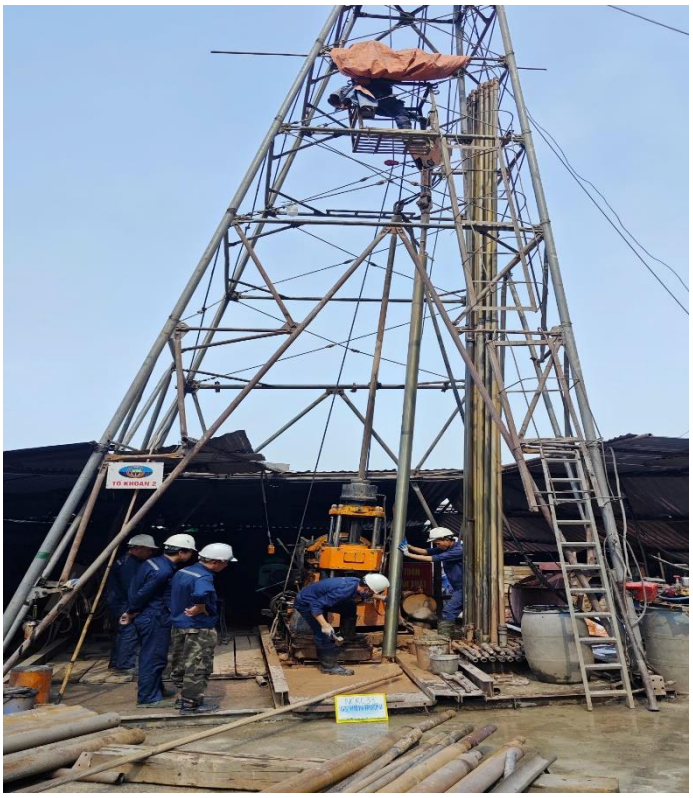

*Ảnh: Giám sát thi công thăm dò mỏ than khe chàm II - IV*